

MỤC LỤC

MÔN THỰC HÀNH HƯỚNG DẪN TẠI ĐIỂM

(Phần Lý thuyết)

LỜI NÓI ĐẦU	6
 PHẦN I: LÝ THUYẾT: HƯỚNG DẪN DU LỊCH TẠI ĐIỂM	8
Chương I. Phương pháp hướng dẫn du lịch tại điểm có tính tôn giáo	9
1. Bài 1: Những hiểu biết chung về Tôn giáo	10
I. Một vài hiểu biết chung về Tôn giáo:.....	10
II. Các nhân tố cấu thành Tôn Giáo:	10
III. Tìm hiểu một số Tôn giáo lớn ở Việt Nam:	11
1. Phật Giáo:.....	11
2. Nho Giáo:.....	12
3. Công Giáo	13
4. Đạo Tin Lành:.....	14
5. Đạo giáo	15
6. Hồi giáo:.....	16
7. Cao Đài:	17
8. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương.....	19
9. Đạo Tứ Ân hiếu nghĩa:.....	22
10. Đạo Hòa Hảo	23
11. Đạo Dừa:	24
12. Một số đặc điểm để nhận biết về các tôn giáo.....	26
Bài 2: Phương pháp hướng dẫn tại điểm có tính tôn giáo.....	29
I. Khái niệm:	29
1. Điểm du lịch có tính tôn giáo	29
2. Đặc điểm du khách:	30
II. Quy trình hướng dẫn:	30
1. Bước chuẩn bị:.....	30
2. Đón khách	31
3. Trên đường đến điểm tham quan:.....	31

4. Tại điểm tham quan:	31
5. Tại điểm dừng cuối cùng của điểm tham quan.....	33
6. Kết thúc điểm tham quan:	33
Câu hỏi ôn tập:.....	35

Chương II. Phương pháp hướng dẫn tại điểm có tính lịch sử: 36

Bài 1: Những hiểu biết chung về lịch sử..... 37

I. Một vài hiểu biết về lịch sử: 37

1. Khái quát chung về di tích lịch sử 37
2. Vai trò của di tích lịch sử: 37
3. Di tích lịch sử và du lịch 38

II. Điểm du lịch có tính lịch sử: 39

1. Điểm du lịch lịch sử vật thể: 39
2. Điểm du lịch lịch sử phi vật thể..... 40
3. Đặc điểm du khách: 41

Bài 2: Phương pháp hướng dẫn tại điểm du lịch có tính lịch sử..... 42

I. Bước chuẩn bị chung:..... 42

II. Bước chuẩn bị cụ thể 44

1. Tìm hiểu về đoàn khách:..... 44
2. Dự kiến các tình huống đột xuất..... 45

III. Trên đường tới điểm tham quan: 46

1. Thuyết minh trên đường tới điểm tham quan..... 46
2. Giới thiệu tổng quát, định hướng tham quan: 46

IV. Tại điểm tham quan 46

1. Chọn vị trí thích hợp để thuyết minh:..... 46
2. Kết hợp với hướng dẫn viên tại điểm 47
3. Dành thời gian để khách thưởng thức:..... 48
4. Trả lời các câu hỏi của khách..... 48

V. Tại điểm dừng cuối cùng của điểm tham quan 48

1. Tóm tắt nội dung chủ đề tham quan: 48
2. Liên hệ chung về điểm tham quan..... 49

3. Thời gian dành cho du khách:	49
VI. Kết thúc cuộc tham quan	49
Câu hỏi ôn tập:.....	49
Chương III. Phương pháp hướng dẫn tại điểm du lịch Môi trường sinh thái:	50
Bài 1: Những hiểu biết chung về môi trường sinh thái	51
I. Một vài hiểu biết về môi trường sinh thái:	51
1. Môi trường	51
2. Khái niệm về du lịch sinh thái:.....	52
II. Điểm du lịch Sinh thái:	52
III. Đặc điểm du khách.....	53
Bài 2: Phương pháp hướng dẫn tại điểm du lịch sinh thái.....	56
I. Bước chuẩn bị chung:.....	56
1. Khái quát chung về môi trường sinh thái:.....	56
2. Chuẩn bị sức khỏe, tinh thần:.....	56
3. Kiến thức chung về môi trường sinh thái:.....	56
II. Bước chuẩn bị cụ thể	58
1. Tìm hiểu về đoàn khách:.....	58
2. Phương tiện vận chuyển khách.....	59
III. Trên đường tới điểm tham quan:	59
1. Đón khách	59
2. Thuyết minh trên đường tới điểm tham quan:.....	59
3. Giới thiệu chung về điểm tham quan, định hướng tham quan:	59
IV. Tại điểm tham quan	61
1. Hướng dẫn khách tham quan:.....	61
2. Dành thời gian để du khách tham quan thực tế	61
4. Trả lời, giải thích các câu hỏi của khách.....	61
V. Tại điểm dừng cuối cùng ở điểm tham quan.....	63
1. Chuẩn bị chỗ nghỉ ngơi, cắm trại:	63
2. Liên hệ chung về điểm tham quan.....	63
3. Thời gian dành cho du khách:	63

4. Nhắc nhở du khách trước khi dời điểm tham quan:	63
VI. Kết thúc cuộc tham quan	64
Câu hỏi ôn tập:	64
 BÀI ĐỌC THÊM	 65
1. Lễ Hội Vu Lan:.....	65
2. Tên gọi, cách bài trí và ý nghĩa tượng trên chùa Việt.....	67
3. Quán Thế âm Bồ Tát:.....	69
4. Quán Thế Âm Bồ Tát (Avalokiteshvara):.....	71
5. Diệu dụng khi Bồ Tát Quán Thế Âm xuất hiện	73
6. Quan Âm Thị Kính:	75
7. Quan Âm Diệu Thiện:.....	76
 Tài liệu tham khảo:.....	 78

LỜI NÓI ĐẦU

Thực hành hướng dẫn du lịch tại điểm du lịch là một trong những môn học mang tính chuyên nghề cao; một trong những môn học giúp cho người học thực hành những kỹ năng nghề hướng dẫn du lịch khi thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn viên của mình trước đoàn khách du lịch.

Theo yêu cầu của môn học chúng tôi biên soạn tài liệu môn Hướng dẫn tại điểm du lịch. Chúng tôi chia thành hai phần: Phần lý thuyết và phần thực hành tại điểm.

Do chưa có kinh nghiệm viết sách, kiến thức hiểu biết còn rất hạn chế, tài liệu chắc chắn có nhiều khiếm khuyết, mong bạn đọc cho ý kiến để những lần chỉnh lý sau tài liệu hoàn chỉnh hơn.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn mọi ý kiến góp ý của quý bạn đọc.



Trời, biển, núi thành phố Vũng Tàu ảnh Đoàn Văn Ty

Môn
HƯỚNG DẪN TẠI ĐIỂM DU LỊCH
75 tiết (30 tiết lý thuyết – 45 tiết thực hành)

Mục đích yêu cầu:

Sau khi học xong môn học này học viên sẽ có thể:

- Xác định được nhiệm vụ của người hướng dẫn ở điểm tham quan du lịch.
- Phân chia được ba loại điểm tham quan.
- Hướng dẫn được khách tham quan 3 loại điểm du lịch mang tính tôn giáo, lịch sử và môi trường sinh thái.



Phần I – LÝ THUYẾT
HƯỚNG DẪN DU LỊCH TẠI ĐIỂM DU LỊCH - 30 tiết



Chương I

PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN DU LỊCH TẠI ĐIỂM DU LỊCH CÓ TÍNH TÔN GIÁO 15 tiết.



Đền Đồng Xâm, nơi thờ Triệu Đà ở Thái Bình. Ảnh Đoàn Văn Ty

Mục tiêu:

Học xong chương này học viên phải:

- Giải thích được đặc điểm Tôn giáo, biết được những tôn giáo chính ở Việt Nam.
- Hiểu biết được đặc điểm du khách và điểm du lịch có tính Tôn giáo.
- Thực hiện được việc hướng dẫn khách tham quan điểm du lịch có tính Tôn giáo.

Trọng tâm:

- Giúp cho học viên hiểu biết đặc điểm điểm du lịch có tính tôn giáo, nội dung chính cần phải giới thiệu với du khách tại điểm du lịch có tính tôn giáo.

Bài 1

Những hiểu biết chung về tôn giáo – 10 tiết

I/ Một vài hiểu biết về Tôn Giáo:

Tôn giáo và tín ngưỡng thuộc về phạm trù đời sống tinh thần của con người. Tuy nhiên hoạt động tôn giáo và tín ngưỡng được gắn liền với những yếu tố có tính chất để thờ phụng nghi lễ. Vì vậy mọi điểm du lịch có tính tôn giáo thường bao gồm cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Vật thờ cúng tôn giáo, tín ngưỡng vừa là biểu hiện tâm linh vừa là giá trị thẩm mỹ. Quy mô và đặc tính kiến trúc của điểm tôn giáo tín ngưỡng gắn liền với đời sống văn hóa, dân cư và đời sống kinh tế xã hội. Do đó hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng là một hiện tượng xã hội. Khi mà đời sống văn hóa và vật chất của cộng đồng dân cư được cải thiện thì hoạt động tôn giáo và tín ngưỡng cũng bị chi phối.

Tôn giáo là một vấn đề đặc thù. Nó có sự khác biệt được thể hiện tùy từng tộc người, từng quốc gia, từng khu vực.

Khái niệm “Tôn giáo” bắt nguồn từ phương Tây.

Ở các nước phương Đông có từ “Đạo”, “Đạo” là tất cả những lời dạy của các vị Thánh hiền. Khái niệm tôn giáo du nhập vào Nhật Bản, Trung Quốc ở thế kỉ XVIII, sau đó vào Việt Nam.

Hiện nay Tôn giáo cần được hiểu là một sản phẩm của xã hội, nó phản ánh mối quan hệ giữa cái trần tục và cái siêu nhiên tác động đến một cộng đồng hay một nhóm xã hội có tổ chức.

II. Các nhân tố cấu thành Tôn giáo:

- Niềm tin: đức tin, tín ngưỡng.
- Nội dung: giáo lý, tín điều.
- Hành vi: Nghi thức, tổ chức, hiến tế.
- Đối tượng của tôn giáo là thế giới vô hình.
- Phương pháp của tôn giáo là trực giác.

Trong đó niềm tin là bộ phận quan trọng.

Trong tôn giáo có biểu hiện “càng lạ kì càng hấp dẫn”. Thí dụ: Đạo Dừa...

Sự đa dạng của xã hội làm cho việc biểu hiện tôn giáo cũng khác nhau giữa các tầng lớp.

III . Tìm hiểu một số tôn giáo lớn ở Việt Nam

1. Phật Giáo:



Phật giáo ra đời vào khoảng thế kỉ thứ VI - V Tr.Cn ở Ấn Độ. Phật giáo có hai tông phái chính là Đại Thừa và Tiểu Thừa được truyền qua Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia vào Việt Nam.

Đại thừa tượng trưng cho cỗ xe lớn, người tu hành không chỉ tự cứu mình mà còn cứu vớt chúng sinh. Ngoài thờ Phật Thích Ca Đại thừa còn thờ chư Phật và chư vị Bồ tát.

Tiểu thừa là cỗ xe nhỏ, người tu hành tự cứu vớt lấy mình. Tiểu thừa ít thoát tục hơn và chỉ thờ duy nhất một Đức Phật Thích Ca.

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam khoảng những năm đầu thế kỷ X, đến thời Lý (thế kỷ XI) Phật giáo ở vào giai đoạn cực thịnh và được coi là hệ tư tưởng chính thống.

Từ cuối thế kỷ thứ XIV trở đi vai trò ảnh hưởng của Phật giáo phần nào hạn chế, Nho giáo chiếm địa vị độc tôn, các nhà sư không tham gia triều chính thay vào đó là các nhà Nho.

Hiện nay Phật giáo là tôn giáo có tín đồ đông nhất so với các tôn giáo khác. Số lượng tín đồ theo đạo Phật và chịu ảnh hưởng của Đạo Phật khoảng 70% số dân trong cả nước.

2. Nho Giáo:

Nho giáo do Khổng Tử (tức Khổng Khâu) người Trung Quốc ở thế kỷ thứ VI - V Tr.Cn sáng lập. Nội dung chính của Nho giáo là: Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Nho giáo đề cao lòng trung quân ái quốc, coi nhà vua là Thiên tử, là đáng quyền uy tối thượng. Nhà vua bắt ai chết người đó phải chết, đó là ý trời (Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung). Nho giáo đề ra thuyết tam cương, ngũ thường (Tam cương là quan hệ: Vua - Tôi, Vợ - Chồng, Cha - Con; Ngũ thường: nhân, lễ, nghĩa, trí, tín). Nho giáo đề cao trí tuệ nhưng lại coi thường người lao động, cày cuốc là công việc của kẻ tiểu nhân. Kẻ sỹ - người quân tử thanh cao hơn, họ đọc sách và dạy người. Tư tưởng ấy khuyến khích người ta rời bỏ lao động khi có địa vị nhỏ trong xã hội.



Theo quan niệm của Nho giáo, người phụ nữ bị ràng buộc trong tam tòng, tứ đức. (Tam tòng: Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử; Tứ đức: Công, dung, ngôn, hạnh). Nho giáo lấy quan hệ Vua - Tôi làm khuôn mẫu cho các quan hệ xã hội, Nho giáo có nhiều yếu tố tích cực trong việc răn dạy về đạo đức cho con người, nhưng Nho giáo lại bị giai cấp thống trị triệt để lợi dụng những mặt có lợi cho mình để phục vụ cho tham vọng trị quốc bình thiên hạ. Nho giáo được các triều đại phong kiến Trung Quốc tôn lên thành Quốc giáo. Nho giáo được du nhập vào nhiều nước trong khu vực châu Á.

Nho giáo được truyền vào Việt Nam khá sớm, nhưng đến thế kỷ thứ II mới được phổ biến rộng rãi. Đến đời Lý (thế kỷ XI, XII), và đầu đời Trần (thế kỷ XIII) Nho giáo được phát triển cùng Đạo giáo và Phật giáo. Năm 1070, Quốc Tử Giám, trường Đại học đầu tiên của Việt Nam được thành lập để đào tạo nho sĩ và quan lại. Từ cuối nhà Trần (thế kỷ XIV) Nho giáo phát triển mạnh hơn và bắt đầu lấn át dần Phật giáo.

Nho giáo đối với Việt Nam ngày nay tuy còn có nhiều ảnh hưởng có cả mặt tích cực và mặt tiêu cực nhưng với quan điểm tư duy mới, những mặt tích cực của Nho giáo được nhân dân Việt Nam phát huy một cách sáng tạo.



Bia tiên sỹ trong Văn miếu - Quốc tử giám Hà Nội. ảnh Đoàn Văn Ty

3. Công Giáo

Thiên Chúa giáo du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ XV, XVI, nhưng đến thế kỷ thứ XVII việc truyền đạo mới thực sự có kết quả.

Thiên Chúa giáo đề cao lòng nhân đạo và tình thương vô hạn của đức Giê Su đối với con người (vì yêu thương con người mà Chúa phải chịu đóng đinh trên cây Thánh giá). Thiên chúa giáo có hệ thống giáo lý, lễ nghi và tín ngưỡng chặt chẽ, nhằm tác động mạnh mẽ vào tâm lý các tín đồ, khiến họ tin tưởng tuyệt đối ở sự kỳ diệu của Chúa mà sống ở trên trần thế để đạt được vĩnh hằng trên thiên



Tượng Chúa Giêsu. ảnh Đoàn Văn Ty

đường.

Danh từ “Catholic” lấy từ tiếng Hy Lạp là Katholicos, có nghĩa là phổ quát để chỉ rằng Giáo hội Kitô là một Giáo hội phổ quát cho tất cả mọi người và mọi dân tộc, chứ không phải chỉ là “đạo dân tộc”. Trong chữ Hán, chữ “công” cũng có nghĩa là việc chung, hay chung cho mọi người; thí dụ như công ích là lợi ích chung cho mọi người, công tâm là theo sự suy nghĩ chung của mọi người...Do đó những người theo Thiên chúa giáo Việt Nam đã dịch chữ “Catholic” là Công Giáo tức là một đạo phổ quát chung cho mọi người.

4. Đạo Tin Lành

Vào đầu thế kỷ XVI, ở Châu Âu diễn ra cuộc phân liệt lần thứ 2 của Kitô giáo, dẫn đến sự ra đời của Đạo Tin Lành. Nói chung Đạo Tin Lành vẫn có nội dung cơ bản giống như Thiên Chúa giáo, nhưng về luật lệ, lễ nghi, cách thức hành đạo và cơ cấu tổ chức giáo hội có nhiều thay đổi, chịu ảnh hưởng khá đậm nét tư tưởng dân chủ tư sản, nhấn mạnh ý chí cá nhân.

Về giáo lý Đạo Tin Lành tin và đề cao vị trí của Kinh Thánh, coi đó là chuẩn mực căn bản duy nhất của đức tin và sự hành đạo. Đạo Tin Lành không coi Kinh thánh là cuốn sách chỉ có một số người (giáo sỹ) được quyền nghiên cứu, giảng giải mà tín đồ, giáo sỹ Tin Lành đều có quyền sử dụng nó, nói và làm theo Kinh Thánh.

Đạo Tin Lành tin rằng, Bà Maria sinh ra chúa Giêsu một cách màu nhiệm, và chỉ đồng trinh cho đến khi sinh ra Chúa; tin có thiên sứ, các thánh tông đồ, các thánh tử đạo và các thánh khác, nhưng không sùng bái và thờ lạy họ như Thiên chúa giáo; tin có Thiên đàng, Địa ngục nhưng không coi trọng nó tới mức dùng nó làm công cụ để khuyến khích và răn đe, trừng phạt con người.

Về nghi lễ Đạo Tin Lành khá đơn giản. Không thờ tranh ảnh, hình tượng cũng như các di vật. Thánh ca trở thành phương tiện diễn đạt hàng đầu. Tín đồ Tin Lành chỉ thừa nhận hai bí tích rửa tội (Báp têm) và thánh thể. Song quan niệm và tiến hành các nghi lễ đó có nhiều nội dung khác với thiên chúa giáo.



Tín đồ Tin Lành xưng tội trực tiếp với Thiên Chúa (Công giáo phải thông qua Linh mục).

Về Tổ chức Đạo Tin Lành không lập giáo hội duy nhất mang tính chất phổ quát cho toàn đạo mà theo hướng xây dựng các hội riêng rẽ, độc lập, với các hình thức khác nhau theo từng hệ phái, hoặc từng quốc gia.

Tin Lành có hai chức: Mục sư và Truyền đạo (giảng sư) được lấy vợ, lấy chồng. Tuy được gọi là “người chăn bầy”, nhưng họ chịu sự kiểm soát của tín đồ, không có thần quyền và vai trò tuyệt đối với tín đồ.

Tuy nhiên Tin Lành không chấp nhận những gì trái với Kinh Thánh, không cho phép tín đồ thực hiện việc thờ cúng tổ tiên, hương hỏa hay tham dự các lễ hội ... là cái bị cho là điều Chúa dạy. Chính vì thế mà những thành viên của nhiều dân tộc theo Tin Lành bị buộc phải bỏ truyền thống và văn hóa truyền thống của dân tộc mình.

5. Đạo giáo

Đạo giáo do Lão Tử tức Lão Đam, người sống cùng thời với Khổng Tử lập ra ở Trung quốc từ thời Chiến quốc. Đạo giáo được Trang Chu tức Trang Tử phát triển theo



chủ nghĩa yếm thế,

thoát tục. Trái với Nho giáo Đạo giáo khuyên con người không nên hành động (thuyết vô vi). Dần dần đạo biến thành đạo phù thủy, đạo thần tiên, thích việc cúng lễ quỷ thần.

Đạo giáo cũng tồn tại dai dẳng trong lịch sử nước ta nhưng ít được phổ biến.

Bát Tiên trong Đạo giáo. ảnh Đoàn Văn Ty

6. Hồi giáo

Đạo Islam hay đạo Hồi xuất hiện ở bán đảo Ả Rập vào đầu thế kỷ thứ VII. Quá trình hình thành gắn chặt với tên tuổi, cuộc đời và sự nghiệp của một người mà Hồi giáo coi là lãnh tụ tinh thần, nhà Tiên tri là Giáo chủ Mô Ha Mết.

Hồi giáo là một trong những tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất thế giới với hơn 900 triệu người, có mặt ở hơn 50 nước, trên khắp các châu lục.

Giáo lý của Đạo Hồi được trình bày trong kinh Co Ran. Đặc điểm của Hồi giáo là giáo lý tuy đơn giản, nhưng luật lệ, nghi lễ rất chi tiết và khắt khe, nhiều khi nó vượt khỏi phạm vi tôn giáo, trở thành tiêu chuẩn pháp lý trong đời sống xã hội, hòa nhập vào toàn bộ đời sống của cộng đồng và từng cá nhân trong cộng đồng. Trong Đạo Hồi, khó thấy ranh giới giữa đạo và đời, giữa cái thiêng và cái tục. Đạo tuy thống nhất, nhưng rất khác nhau về biểu hiện qua từng dân tộc, địa phương, từng nền văn hóa. Vì vậy Đạo Hồi chia thành nhiều hệ phái và nhiều chi phái, là một tôn giáo có ảnh hưởng chính trị - xã hội khá lớn và phức tạp.

Tin tưởng tuyệt đối, tôn sùng Đức A La và Thánh Mohammed nhà tiên tri đứng đầu giáo hội là hai tín điều quan trọng và bậc nhất của giáo lý đạo Hồi.

Hồi giáo có rất nhiều giáo luật, trong đó các giáo luật chủ yếu nhất là “5 cột đạo”. Ngoài “5 Cột đạo”, một quy định đáng chú ý nữa là tín đồ Hồi giáo phải có bốn phen tham dự các cuộc thánh chiến để bành trướng thế lực và truyền bá tôn giáo.



Nhà thờ Hồi giáo ở Kuala Lumpur, Malaysia.

ảnh Đoàn Văn Ty

Người theo Đạo Hồi ở Việt Nam hầu hết là người dân tộc Chăm. Đạo Hồi được truyền bá vào người Chăm khoảng từ thế kỷ XIII – XIV, bằng con đường hòa bình cùng với quá trình tan rã của quốc gia Chiêm Thành (Champa) và sự suy giảm dần của đạo Hindu – tôn giáo chính thống của người Chăm.

Hiện ở Việt Nam hình thành hai khối Hồi giáo:

- + Hồi giáo ở vùng Ninh Thuận, Bình Thuận là Hồi giáo không chính thống, gọi là Chăm Ba ni, đượm sắc thái của nhiều yếu tố sinh hoạt và tôn giáo bản địa. Các lễ thức được tiếp biến cho phù hợp với chế độ gia đình mẫu hệ, liên quan đến chu kỳ đời sống của một con người (sinh đẻ, hôn nhân, ma chay ..) và các phong tục khác. Không có quan hệ với Hồi giáo thế giới.
- + Hồi giáo ở An Giang, thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Tây Ninh, được gọi là Chăm Islam, theo Hồi giáo chính thống, không bị pha trộn với phong tục tập quán, tín ngưỡng cũ và thường xuyên liên hệ với thế giới Hồi giáo Campuchia, Malaysia.

Dù có sự khác biệt này, nhưng giữa hai khối Hồi giáo không có sự kỳ thị mà hòa hợp với nhau.

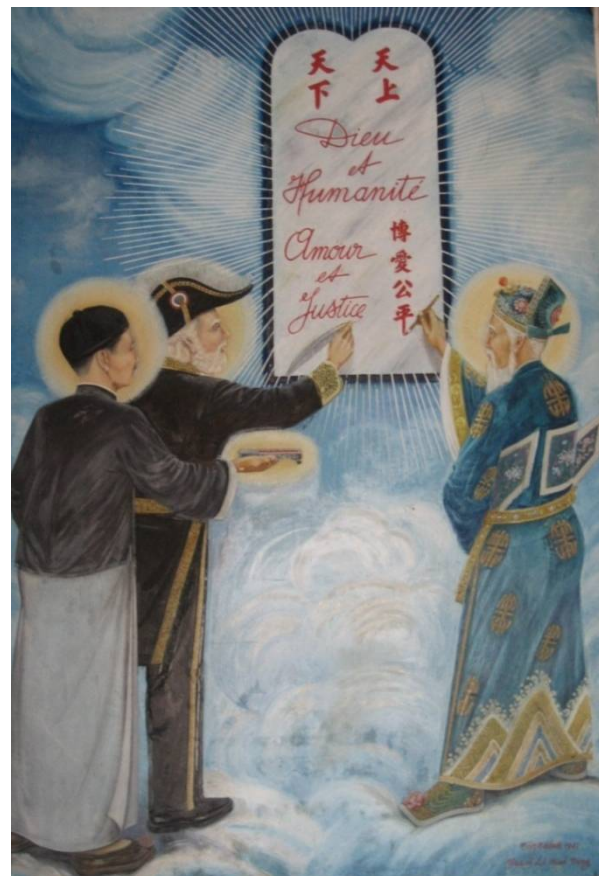
7 . Đạo Cao Đài

Đạo Cao Đài được thành lập năm 1926. Sự ra đời của Đạo Cao Đài là hệ quả trực tiếp và điển hình của tư tưởng “Tam giáo đồng nguyên” (Phật - Lão - Nho). Đạo ra đời gắn liền với tên tuổi của các ông Ngô Minh Chiêu, Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc...Lấy tên là Đại đạo Tam kỳ phổ độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài.

Đạo Cao Đài thờ đấng Chí Tôn là Ngọc Hoàng thượng đế. Trung tâm của đạo phát triển tại tỉnh Tây Ninh sau đó được mở rộng ra cả nước.

Hệ thống tổ chức của Đạo Cao Đài ở cấp Trung Ương có 3 đài:

- **Bát Quái đài:** là nơi thờ phụng của đạo gồm các vị



Tam Thánh ký Hòa ước. ảnh Đoàn Văn Tỵ

thánh, thần, tiên, phật...do Lý Thái Bạch (Lý Đại Tiên) thay mặt Thượng đế làm **Chưởng quản**.

- **Hiệp Thiên đài:** vừa là cơ quan lập pháp, vừa là cơ quan tư pháp, đứng đầu là chức Hộ Pháp.
- **Cửu Trùng đài:** là cơ quan hành pháp đứng đầu là chức **Giáo tông**.

Đạo Cao đài được thành lập là do Đức Cao Đài giáng cơ cho ông Ngô Văn Chiêu lúc đang làm Tri phủ ở Phú Quốc vào năm 1921. Năm 1925 ông được đổi về Sài Gòn và cùng lúc đó nhóm của một số công chức của Pháp như Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư... cũng cầu được cơ của Đức Cao Đài tìm đến và bàn nhau lập đạo. Sở dĩ đạo có tên gọi "Tam kỳ phổ độ" là vì đã có hai kỳ thượng đế đã lập đạo, nay Cao Đài là lần thứ ba và lấy thiên nhân làm biểu tượng.

Đạo Cao Đài chủ trương thống nhất các tôn giáo :

Phật giáo : Thích Ca Mâu Ni

Tiên giáo : Lão Tử

Nho giáo : Khổng Tử

Thánh giáo : Jésus Christ

Thần giáo : Mahomet

Việc lãnh đạo giáo hội do ba cơ quan là Bát quái đài, Hiệp thiên đài do Hộ pháp cai quản và Cửu trùng đài do Giáo tông cai quản. Phía trước Tòa thánh Tây Ninh có vẽ thiên nhân và một bức tranh “Tam Thánh ký hòa ước” trong có ghi hàng chữ: “Dieu, Humanité, Amour, Justice (Thượng đế, Nhân loại, Tình thương, Công lý)” và hình ba vị thánh là Tôn Dật Tiên, Victor Hugo và Nguyễn Bình Khiêm. Ngoài ra đạo Cao Đài còn thờ các vị thần, thánh của các tín ngưỡng và tôn giáo khác như: Brahma, Civa, Krishna (Vishnou), Khương Thái Công, Quan Công, Lý Thái Bạch, Quan Thế Âm. Về kiến trúc, điêu khắc, cách thờ phụng, y phục, kinh kệ của đạo Cao Đài là sự pha tạp, hỗn hợp của đủ các thứ tín ngưỡng và tôn giáo Đông, Tây, kim, cổ; do vậy được mệnh danh là đạo hỗn hợp. Cũng có một số tín đồ Cao Đài đã giác ngộ cách mạng và tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, liên hiệp hành động với MTDTGPMNVN như lực lượng Cao Đài của thiếu tá Huỳnh Thanh Mừng đã liên hiệp hành động với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam trong thời kháng chiến chống Mỹ.

Tín đồ Cao Đài phần lớn ở khu vực Tây Ninh, Bến Tre và thành phố Hồ Chí Minh. Tới nay đạo này đã phân hóa thành nhiều nhóm và không thống nhất với nhau. Số tín đồ toàn Nam bộ lồi một triệu người. Đạo Cao Đài chia ra

nhiều chi phái như Cao Đài Nguyễn Ngọc Tường, Cao Đài Câu Khe, Minh Ký...

- **Ngô Minh Chiêu**, sinh năm 1878 tại chợ Bình Tây, Chợ Lớn, Sài Gòn. Ông học giỏi, là thư ký Sở Di trú Sài Gòn rồi tri phủ ở Phú Quốc. Ông ham mê truyện thần tiên và cầu cơ, tiếp thu “thông linh học”. Ông tổ chức cầu cơ và tuyên truyền là mình đã tiếp xúc được với một đấng linh thiêng là Cao Đài Tiên Ông và được vị tiên này phán bảo sứ mệnh xây dựng tôn giáo mới ở phương Nam. Đến khi Cao Đài chính thức ra đời, ông đã nhường quyền lãnh đạo cho ông Lê Văn Trung và trở về Cần Thơ tu luyện và hình thành phái Cao Đài Chiêu Minh Đoàn (là biến âm của tên ông). **Ông mất năm 1932.**
- **Lê Văn Trung**, sinh năm 1875 tại Chợ Lớn Sài Gòn. Năm 1893 tốt nghiệp trường trung học và được bổ làm văn phòng Thống đốc Nam Kỳ, sau đó chuyển làm thầu khoán và được bầu làm nghị sỹ, tham gia hội đồng tư vấn phủ thống đốc. Năm 1920 ông bị thua lỗ trong kinh doanh và bị phá sản, ông quay sang hoạt động tôn giáo. Nhờ sự thông minh, tài ngoại giao, tài tổ chức ông đã nhanh chóng tiếp thu sứ mệnh khai đạo của ông Ngô Minh Chiêu và trở thành giáo tông đứng đầu “Cửu Trùng đài” cơ quan hành pháp của đạo Cao Đài. **Ông mất năm 1934.**
- **Phạm Công Tắc**, sinh năm 1893 tại Tân An. Ông bắt đầu làm công chức ngành thuế từ năm 1940. Sau, do bị chèn ép, ông bỏ nhiệm sở và chuyển sang hoạt động Cao Đài với chức Hộ pháp, đứng đầu Hiệp Thiên Đài – cơ quan lập pháp của đạo này. Sau khi ông Lê Văn Trung chết, Phạm Công Tắc trở thành lãnh tụ tối cao nắm cả hai cơ quan hành pháp và lập pháp. Cũng từ đó, mâu thuẫn trong nội bộ Đạo Cao Đài nổ ra và chia rẽ thành nhiều phái.

8. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương:

Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương cũng như một số đạo khác không phải là một tông phái của Phật giáo, tuy nó có phần nào dùng một số giáo lý Phật giáo. Thực sự đây là một đạo giáo cứu thế đã được khai sinh không những ở Nam Bộ mà cả ở vùng Đông Nam Á như Philippines, Indonesia. Có nhiều đạo giáo tương tự hình thành trong những điều kiện nhất định của thời điểm chính trị và không gian xã hội: khi chủ nghĩa thực dân, đế quốc xâm lược vùng Đông Nam Á vào thế kỷ 16 trở đi, dù bọn vua quan phong kiến có đầu

hàng hoặc thỏa hiệp với bọn thực dân xâm lược thì tầng lớp sĩ phu và nông dân yêu nước vẫn chống lại bằng mọi hình thức.

Không thể chống lại công khai bằng bạo lực quân sự, nho sĩ và nông dân với khuynh hướng quốc gia cực đoan, bài ngoại và mê tín đã sử dụng đạo giáo và thần quyền để tập hợp và tổ chức một cách bán hợp pháp hoặc hợp pháp bí mật, hoặc công khai những lực lượng chống xâm lược ngoại bang và sự bóc lột của bọn phong kiến chủ đất, lúc ấy đã đầu hàng hoặc thỏa hiệp với thực dân ngoại bang.

Như vậy bản thể của những đạo giáo trong lúc đó là nông dân, nho sĩ yêu nước, chống phong kiến và chịu ảnh hưởng của những trào lưu đạo giáo cứu thế vốn sẵn có của xã hội Đông phương. Ở Nam Bộ, những đạo giáo như: Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Hòa Hảo v.v... cũng đều mang những thuộc tính như vậy.

Hoàn cảnh lịch sử khi ra đời của đạo Bửu Sơn Kỳ Hương vào giữa thế kỷ XIX (1849) là trong hoàn cảnh đất nước và xã hội cực kỳ rối ren từ Bắc vào Nam. Trong khi đó xã hội suy thoái, vua quan ngu dốt, bất tài, lại thêm nạn tham nhũng, bóc lột, sưu cao thuế nặng, triều đình kỳ thị chém giết tôn giáo: cấm đạo Gia Tô, cấm lập chùa thờ Phật. Nạn mất mùa, đói kém, kinh tế phá sản, các bệnh dịch hoành hành đã khiến nhiều cuộc khởi nghĩa và bạo động nổ ra khắp mọi nơi. Lợi dụng cơ hội này, thực dân Tây phương tác động bằng nhiều cách để gây rối loạn nhằm thực hiện ý đồ xâm lược. Trong điều kiện lịch sử như vậy, lòng dân ly tán, cố chống lại triều đình và bọn địa chủ mới đang phát triển.

Ở miền Bắc có các cuộc khởi nghĩa của nông dân và nho sĩ như : Phan Bá Vành năm 1826 (Thái Bình, Nam Định), Lê Duy Lương năm 1833 (Ninh Bình, Hưng Hóa), Nông Văn Vân năm 1833 (Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang). Miền Nam có cuộc khởi nghĩa của Lê văn Khôi năm 1833. Thực chất đây là cuộc khởi nghĩa của nho sĩ, nông dân nghèo và dân tộc thiểu số chống lại nạn áp bức bóc lột của triều đình, bọn chủ đất và sự đô hộ của thực dân Pháp.

Người sáng lập ra đạo Bửu Sơn Kỳ Hương là ông Đoàn Minh Huyền, đạo hiệu Giác Linh, sinh năm 1807 ở làng Tòng Sơn, tỉnh Sa Đéc (Đồng Tháp) trong một gia đình nông dân. Ông học bình thường, đọc sách Phật từ lúc còn nhỏ. Ông lập đạo từ năm 1849, lúc ông đã ngoài 40 tuổi và nơi truyền đạo đầu tiên là đình làng Kiển Thạnh, tỉnh Long Xuyên. Thời điểm ông truyền đạo là năm nông dân mất mùa đói kém, nhiều nơi có giặc cướp nổi dậy, bệnh dịch lan tràn, dân chúng điêu linh. Ông vừa giảng đạo, vừa chữa bệnh bằng thuốc và nhiều người đã khỏi bệnh. Họ tin vào pháp thuật của ông. Do đó dân chúng tôn ông làm Phật thầy Tây An vì khi ông chữa

bệnh tại Tây An cổ tự ở Châu Đốc, mọi người gọi ông là "Phật sống". Ông tự gọi đạo của ông là Bửu Sơn Kỳ Hương và có bài thơ truyền tụng :

Bửu ngọc quân minh thiên Việt nguyên

Sơn trung sư mạng địa Nam tiền

Kỳ niên trạng tái tân phục quốc

Hương xuất trình sanh tạo nghiệp yên.

và cho rằng Bửu Sơn Kỳ Hương lấy Thất Sơn là nơi xuất phát sẽ tỏa sáng năm châu bốn biển và lúc đó hòa bình thịnh vượng lâu dài. Đạo Bửu Sơn Kỳ Hương lấy tứ đại trọng ân làm nền tảng. Bốn ân lớn đó là :

- Ân tổ tiên cha mẹ.
- Ân đất nước.
- Ân tam bảo.
- Ân đồng bào, nhân loại.

Bửu Sơn Kỳ Hương khuyên mọi người học Phật tu nhơn (tu nhân, tích đức và niệm Phật).

Sau một thời gian truyền đạo, triều đình nghi ông nổi loạn nên ông bị Tổng Đốc An Giang bắt giam, sau đó ông được thả ra, nhưng ông bị bắt buộc phải tu tại Tây An cổ tự để triều đình dễ bề kiểm soát những hành động của ông. Sau bảy năm giảng đạo, năm 1856 Phật Thầy Tây An viên tịch tại Tây An cổ tự ở Núi Sam (Châu Đốc) và phần mộ ông nay còn ở đó.

Hai mươi tám năm sau khi ông mất (1884), triều đình Huế đầu hàng thực dân Pháp xâm lược, nhưng phong trào kháng Pháp trong nhân dân lại bùng lên mạnh mẽ ở Nam Bộ. Hầu hết các tín đồ của Bửu Sơn Kỳ Hương đều tham gia vào cuộc kháng chiến. Trong số những tín đồ đã có những người là lãnh tụ của cuộc kháng chiến như Trương Công Định (1862) tức Bình Tây Đại nguyên soái, Nguyễn Trung Trực (1861) - người anh hùng "Hỏa hồng Nhật Tảo", đốt cháy tàu chiến Espérance của quân xâm lược Pháp tại sông Nhật Tảo, Trần văn Thành (1867) khởi nghĩa tại vùng Láng Linh thuộc tỉnh An Giang. Thực dân Pháp có bọn tay sai giúp đỡ đã đàn áp tàn bạo. Sau khi phong trào kháng chiến chống Pháp tạm thời thất bại, đạo Bửu Sơn Kỳ Hương lại được tiếp tục dưới hình thức giảng đạo trong nông dân vùng An Giang. Trong số những ông đạo có: Đức Phật Trùm năm 1868 tự nhận là hậu thân của Phật Thầy Tây An giảng thế, cho sử dụng lòng phái màu đỏ có dấu Bửu Sơn Kỳ Hương. Ông Phật Trùm là người Khmer, đã truyền đạo sang cả đất Campuchia. Thực dân buộc tội ông làm loạn và bắt đi đày nhưng sau đó thả về. Ông mất tại núi Tà Lơn năm 1875.

9. Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa:

Người sáng lập đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là ông Ngô Viện, húy là Lợi nên gọi là Ngô Lợi. Ông sinh năm 1831 tại Mỏ Cày (Bến Tre), ông tự học lấy, đọc sách Phật và năm 20 tuổi viết Bà La Ni kinh. Ông lập đạo năm 36 tuổi (1876), tự xưng là Đức Bồn sư và khi nhận đệ tử, ông cũng phát lòng phái có dấu Bửu Sơn Kỳ Hương.

Năm 1872, ông đưa các tín đồ tới xã An Lộc (An Giang) dựng chùa, thành lập và truyền bá đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa (TÂHN). Sau đó ông đưa một số đệ tử vào vùng Thất Sơn (Bảy Núi) khai hoang lập trại ruộng; và trong 14 năm lập ra bốn thôn: An Định, An Hòa, An Thành và An Lập, thôn nào cũng đều cất chùa giảng kinh.

Đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa thờ trần điều, thờ Phật, Sơn thần và trăm quan cự thần liệt sĩ. Về giáo lý, ông Ngô Lợi tiếp tục hoằng pháp như Bửu Sơn Kỳ Hương: Tứ đại trọng ân, học Phật tu nhơn nhưng không ly gia cát ái, không ăn chay trường và cũng hạn chế sát sanh. Về cách đối nhân xử thế thì theo đạo Nho, đạo Lão và theo Thiên Tông. Tín đồ TÂHN mặc áo vạt thò, quần lá nem nhuộm đen, bới tóc hoặc để xõa tự nhiên, đi chân đất, trước cửa nhà có bàn thờ thiên hai tầng, thờ Thiên La thần và Thổ Trạch Long thần. Các tín đồ tụng riêng những kinh của đạo này lập ra như : Phổ Độ Bàn Đào, Linh Sơn Hội Thượng...

Pháp môn tu hành của đạo Tứ Ân Hiếu Nghĩa là:

- Trì niệm theo Thiên tông .
- Xử sự theo Nho giáo.
- Luyện tinh, khí, thần theo Lão giáo.
- Ân quyết, thần chú theo Mật tông.

Vào ngày 15 tháng 07 năm Tân Tỵ (1881), nhân dịp một buổi hành lễ lớn, thực dân Pháp cho quân vào đàn áp, bắt bớ bắn giết khiến mọi người phải chạy lánh nạn sang Campuchia, sau đó ít tháng lại trở về chỗ cũ. Năm 1885, thực dân Pháp lại đem quân vào càn quét lần thứ hai, đốt phá chùa chiền, khiến mọi người phải chạy trốn, nhưng sau đó ông Ngô Lợi lại dẫn tín đồ trở về. Năm 1887, thực dân Pháp lại cùng tay sai là Tổng đốc Trần Bá Lộc kéo quân vào đàn áp hai lần, bắt nhiều tín đồ đày ra Côn Đảo và bắt buộc các tín đồ còn lại phải trở về nguyên quán. Năm 1888, ông Ngô Lợi lại bị bắt nhưng trốn thoát nhờ sự che chở của nhân dân quanh vùng này. Như vậy trong 12 năm (1876-1888), thực dân Pháp đã đàn áp đạo TÂHN bảy lần (tín đồ gọi là đạo nạn), đốt phá chùa chiền, bắt bớ, tra tấn, tù đày và đốt nhà cửa tín đồ, quyết triệt hạ đạo một cách vô cùng man rợ.

Đức Bồn sư Ngô Lợi viên tịch năm 1890 tại núi Tượng. Ít lâu sau đó có sự phân hóa trong đạo TÂHN. Vì không còn ai kế vị nên mọi việc đều giao cho ông Trò, ông Gánh phụ trách. Do vậy, mỗi nơi hành đạo khác nhau, thậm chí

có một số vị làm phù chú chữa bệnh rơi vào sự mê tín dị đoan làm sai lạc giáo lý ban đầu của đạo. Cho đến năm 1902, tại vùng kinh Vĩnh Tế xuất hiện một nhà sư vóc dáng gầy ốm, ăn mặc kiêu đàn bà, chèo thuyền vừa đi bán khoai vừa giảng đạo "Sấm giảng người đời" được một thời gian thì mất dạng. Dân trong vùng gọi là Sư Vãi bán khoai. Tín đồ TÂN cho đó là hậu thân của Phật Thầy Tân An tái xuất hiện để giảng đạo cứu đời.

10. Đạo Hòa Hảo:

Người lập ra đạo Hòa Hảo là ông Huỳnh Phú Sổ, sinh năm 1918 tại làng Hòa Hảo, quận Tân Châu, tỉnh An Giang (có sách nói sinh năm 1919). Theo tín đồ đạo Hòa Hảo thì họ tin ông là hậu thân của Phật Thầy Tây An đã nhiều lần chuyển kiếp qua đức Bồn sư Ngô Lợi (1831) (TÂN), đức Phật Trùm 1868 và Sư Vãi Bán Khoai (1902). Ông lập đạo Hòa Hảo năm 1939 và cũng vừa đi chữa bệnh vừa đi giảng đạo. Ông bị Pháp bắt năm 1940, cho vào nhà thương điên Chợ Quán, sau họ đưa ông về giam Bạc Liêu. Khi Nhật hất Pháp (1945), quân đội Nhật cứu ông Huỳnh Phú Sổ mang về Sài Gòn và trả tự do cho ông năm 1944, từ đó ông tiếp tục đi khuyến nông và giảng đạo trong khu vực Hậu Giang... Năm 1945, ông Huỳnh Phú Sổ có tham gia UBKCNB (Ủy Ban Kháng Chiến Nam Bộ) và sau đó mất tích trong một trường hợp khó hiểu vào tháng Tư 1947 tại Đốc Vàng (Đồng Tháp Mười) mà tín đồ Hòa Hảo ngày nay cho rằng ông tạm vắng mặt (?).

Ông Huỳnh Phú Sổ được tín đồ tôn là Huỳnh Giáo chủ, vẫn lấy giáo lý Tứ Ân làm căn bản nhưng chủ trương bài trừ mê tín dị đoan, bỏ lệ cúng kiến, gõ mõ tụng kinh và không vẽ hình đức tượng. Ông soạn ra một số kinh sách như: Sấm giảng người đời, Thi văn giáo lý... Tại mỗi thôn ấp đều có Đốc giảng đường để giảng giáo lý Hòa Hảo.

Sau khi ông Huỳnh Phú Sổ biệt tích, một số đệ tử như Năm Lửa (Trần văn Soái), Phan Lê Huê (Nguyễn Thị Gấm - vợ Năm Lửa), Hai Ngoán (Lâm Thành Nguyên), Ba Gà Mỏ (Nguyễn Giác Ngộ), Chín FM, Trương Kim Cà đua nhau tập hợp tín đồ, thành lập lực lượng vũ trang riêng, cát cứ từng vùng để "mưu đồ bá vương", bóc lột lớp tín đồ nông dân sùng đạo, và có khi họ đánh lẫn nhau. Số chức sắc này hợp tác với Pháp và sau đó lại về đầu hàng Diệm - Nhu (Nguyễn Giác Ngộ được phong thiếu tướng, Ba Cụt trung tá). Nhưng sau ít lâu họ lần lượt bị Diệm - Nhu sát hại hoặc thanh toán bằng cách này hay cách khác. Trong chế độ thực dân cũng như tay sai của đế quốc, một số người đầu cơ chính trị đã lợi dụng đạo Hòa Hảo để truyền bá mê tín, lừa dối nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long, đưa họ vào những hành động sai trái đối với Tổ quốc như Hai Lực chỉ huy nhóm Dân vệ Hòa Hảo, nhóm Hai Bành... Thế lực đế quốc ngoại bang cũng đã âm mưu lâu dài gây ảnh hưởng văn hóa - kinh tế trong vùng nhân dân Hòa Hảo bằng nhiều

biện pháp kinh tế và văn hóa, đặc biệt là đã thành lập Viện đại học Hòa Hảo và cho nhiều sinh viên, trí thức Hòa Hảo đi du học ở Mỹ, Pháp, Nhật...để gây cơ sở và uy tín trong giới trí thức.

Từ 1954 tới ngày giải phóng miền Nam, một số đồng anh em binh sĩ trong các trung đoàn của Ba Cụt cũ (trung đoàn Nguyễn Huệ, Lê Quang) ở vùng Đồng Tháp Mười đã cùng với những cán bộ kháng chiến cũ thành lập lực lượng vũ trang chống Diệm - Nhu từ 1957 và những đơn vị này đã tham gia tích cực vào cuộc đồng khởi ở Đồng Tháp năm 1960.

Phật giáo Hòa Hảo là sự tiếp thu, nâng cao tư tưởng Bửu Sơn Kỳ Hương và chịu ảnh hưởng của xu hướng nhập thể của phong trào chấn hưng Phật giáo và quan điểm đạo đức của Nho giáo, Lão giáo.

Nội dung giáo lý có hai phần Học Phật và Tu nhân. Phần học Phật chủ yếu dựa theo tư tưởng Phật giáo, có giản lược đi nhiều, đôi chỗ có sửa đổi. Phần tu nhân là phần thực hành theo đạo đức “tứ ân hiếu nghĩa”: ân tổ tiên, cha mẹ; ân đất nước; ân tam bảo; ân đồng bào và nhân loại.

Phật giáo Hòa Hảo chủ trương không có đội ngũ giáo sỹ và hàng giáo phẩm, không hình thành thiết chế giáo quyền, không xây dựng chùa chiền, không thờ tượng cốt. Việc thờ phụng và hành đạo rất đơn giản, thô sơ, chủ yếu được tiến hành tại gia đình. Mỗi gia đình thờ tám Trần điều (tám vãi màu đỏ) tại trang thờ đặt chính giữa và xây một bàn thông thiên ở sân trước của nhà. Phật giáo Hòa Hảo quy định người nhập môn phải tuyên thệ trước “Tam bảo”: Giữ gìn một đời, một đạo cho đến ngày chung thân. Nam tín đồ để râu, tóc búi để giữ hiếu với ông bà tổ tiên.

Có thể nói, Phật giáo Hòa Hảo được cách tân theo hướng địa phương hóa cho phù hợp với đặc điểm tâm lý, lối sống của một bộ phận dân cư vùng đồng bằng Nam bộ.

11. Đạo

Dừa :

Đạo Dừa do ông Nguyễn Thành Nam sanh năm 1909 tại Phước



Thạnh (Bến Tre) lập ra. Ông đậu kỹ sư hóa học ở Pháp, đã có vợ con. Đến năm 1943, ông bỏ gia đình vào núi Thất Sơn tu khổ hạnh. Một thời gian sau, ông trở về và ở nhiều nơi để tu đạo, từ Sài Gòn tới Mỹ Tho, Bến Tre. Đến năm 1964 ông dựng tại cồn Phụng thuộc tỉnh Bến Tre một đài bát quái cao 18 mét để ngồi tu, người ta đồn rằng hàng ngày chỉ uống nước dừa để sống, do đây có tên là Đạo Dừa. Ông cũng có ăn thêm trái cây và đặc biệt vài năm mới tắm có một lần và ở trên đầu tóc đan lại. Đạo Dừa chủ trương thờ cả Phật Thích Ca lẫn Chúa Jésus, không dựng cốt Phật, chỉ dựng Cửu trùng đài và theo cả giáo lý Phật, Lão, Nho. Sau mỗi lần tụng niệm (những bài tụng do ông viết ra) đều đọc Nam Mô A Di Đà - Amen. Ông tự xưng là Thiên nhơn giáo chủ Thích Hòa Bình Nam Nguyễn Thành, và nơi tu tại cồn Phụng có tên là chùa Nam Quốc Phật. Ông mua một chiếc tàu cũ, sửa lại và đặt là thuyền Bát nhã (nay là nhà hàng nổi của Công ty Ăn uống tỉnh Bến Tre), lấy làm nơi tu hành. Tín đồ Đạo Dừa ngày càng phân hóa thành nhiều nhóm nhỏ đi các nơi lập chùa miếu như nhóm Đạo Chín Hồng ở Thủ Đức, nhóm Nguyễn Văn Sự ở Long Thành, nhóm Hòa đồng tôn giáo của Lý Văn Thạnh ở Chợ Lớn... mang nặng tính mê tín dị đoan. Số tín đồ Đạo Dừa không đông lắm, chỉ tập trung tại cồn Phụng và không có ảnh hưởng tới nơi khác.



12. Một số đặc điểm để nhận biết về các tôn giáo:

Tôn giáo	Giờ hành lễ	Dấu chỉ thánh	Khi đến nơi thờ tự để dự lễ
Phật giáo	2 lần trong ngày vào 5 - 6 giờ và 19 - 20 giờ.	Chắp hai tay. Giơ trước mặt. Nói câu: “Nam mô A di đà Phật” khấn 3 lần (Tam Bảo).	Tắm rửa, mặc áo nhà chùa (hoặc thường ngày nhưng phải mới).
Công giáo	2 lần trong ngày vào: 5 - 6 giờ (đi lễ nhà thờ vào tối thứ 7 hoặc sáng chủ nhật. 19 - 20 giờ.	Tay phải chỉ lên trán, đưa xuống giữa ngực, chuyển qua vai phải, rồi qua vai trái (chúa ba ngôi) “Amen lạy chúa tôi” (Amen có nghĩa là tôi tin như thế).	Tắm rửa, mặc đại lễ (nữ: áo dài, nam complet hoặc quần áo lịch sự).
Tin Lành	Hai lần trong tuần vào 08h chủ nhật, 19h thứ 5.	Chỉ bắt tay khi gặp nhau. Có làm dấu thánh như Công giáo (khi đi lễ).	Tắm rửa, như công giáo.
Cao Đài	4 lần trong ngày: 23 - 24h. 05 - 06h. 11 - 12h 17 - 18h	Nắm hai tay, giơ trước mặt, lạy ba cái (Tam Bảo).	Tắm rửa, áo trắng dài thụng.
Hòa Hảo	Đọc kinh gắn với lễ hàng ngày (không quy định giờ đọc)	Nắm 2 tay, Giơ trước mặt, lạy ba cái (Tam Bảo).	Tắm rửa, áo trắng khi đến hội quán hoặc đọc ở giảng đường.
Hồi giáo	5 lần 1 ngày vào: 4h, 10h, 13h, 18h, 21h.	Tay phải để trên ngực trái (chào nhau). Hai tay giơ lên trước mặt (ngửa lòng bàn tay). Lạy khúm người ba lần (khi đọc kinh).	Tẩy thể (bằng tắm rửa hoặc rửa mặt phủi cát), áo trắng thụng.

Về sự khác nhau giữa Công giáo và Tin Lành (những điểm dễ nhận biết).

Hạng mục	Công giáo	Tin Lành
Tín đồ	Sơ sinh: Rửa tội (vẩy nước) Đọc kinh bốn: ngày 2 lần sáng, tối.	18 tuổi: Báp Têm (rửa tội) dìm cả người xuống nước. Đọc trực tiếp Kinh thánh Cựu Ước và Tân Ước (mỗi người một cuốn) vào lễ 19 giờ thứ 5 và 08 giờ Chủ nhật tại nhà thờ.
Chức sắc	Hồng y, giám mục, linh mục không có gia đình riêng, không có nữ. 3 chức phận: Ngôn sứ (nói lời chúa) + Tử tế (làm vụ mục) + Vương giả (phát triển nước Chúa làm dân Chúa). Giáo Hoàng bổ nhiệm Hồng y, giám mục.	Mục sư, Giảng sư (truyền đạo) Được lấy vợ. Có một số hệ phái có nữ. Chỉ là người chăn dắt (giúp Tín đồ ôn, hiểu và thực hiện lời Chúa trong Kinh Thánh) Bầu cử.
Kết cấu Hội thánh (giáo hội)	Giáo hội hoàn vũ (tòa thành Va Ti Căng). Giáo mền (Hội đồng giám mục). Giáo tỉnh (Tổng Giám mục) Giáo phận (Giám mục). Giáo xứ (Linh mục ban hành hay Hội đồng giáo xứ) Dòng tu (Quốc tế và địa phương). Đại chủng viện (đào tạo Linh mục). Cờ 2 màu: vàng (vương giả) + trắng (tinh khiết, thánh thiện, tông truyền)	Chỉ có hệ phái riêng. Hội Thánh (quốc gia gọi là Ban Trị sự) Địa hạt. Chi hội (cơ sở gọi là Chi hội thánh, có Ban Chấp sự) Không có. Trường Kinh Thánh (đào tạo ra tập sự, mới phong giảng sư, xét tiếp phong Mục sư). Không có cờ.
Nơi thờ tự	Kiến trúc quy mô. Chính tòa (Tổng Giám mục, GM). Nhà thờ xứ. Nhà thờ khu, họ. Nhà nguyện. Bài trí: có tượng Chúa, Maria, các thánh tông đồ, tử đạo, máng cỏ, hang đá, tháp chuông.	Kiến trúc đơn giản. Không có. Nhà thờ Chi hội cơ sở. Không có. Có. Bài trí: Chỉ có thập giá, tháp chuông.

Về sự khác nhau giữa Hồi giáo Islam và Hồi giáo Bani
(những điểm dễ nhận biết)

Hạng mục	Hồi giáo Islam	Hồi giáo Bni
Tín đồ chung	Thuộc kinh Coran và Giáo luật Sariat. Biết tiếng Ả Rập Đi hành hương về Méc Ca	Không. Không. Không.
Nam	Đề râu Lễ “Cắt da quy đầu” Được lấy 4 vợ (các vợ bình đẳng, chồng phải lo kinh tế như nhau).	Không. Không (làm lễ cắt tóc). Không.
Nữ	Bị coi khinh “Đàn bà là quần áo của đàn ông”. Không được đến Thánh đường. Phải che mặt khi ra đường (trâm trạm hình trăng non và ngôi sao).	Được coi trọng. Được đến Thánh đường. Không phải che mạng (đeo khuyên tai có treo túm chỉ đỏ dài 4 cm).
Gia đình Tìm hiểu.	Theo dòng cha (phụ quyền). Con gái có thể hơn tuổi. Cả hai phải là tín đồ Hồi giáo. Nhà trai đi hỏi vợ.	Theo dòng mẹ (mẫu quyền). Con gái phải kém tuổi. Có thể lấy người khác đạo.
Lễ dạm hỏi:	Thách cưới (tiền đồng, tiền chợ) Con trai không biết được người con gái sẽ là vợ mình.	Nhà gái đi hỏi chồng (ra điều kiện, có ở rể). Chú rể phải đến nhà gái Nếu không hợp thì có thể bỏ nhà gái ra đi.
Cưới:	Tổ chức ở nhà gái. Có chủ hôn. Trao tiền cho nhà gái có 2 người làm chứng. Mặc áo trắng. Ở rể chỉ vài ngày. Cho mọi người biết miếng vải chứng minh sự trinh tiết của vợ sau khi động phòng.	Tổ chức ở nhà gái. Hai người tắm chay. Ăn chay bằng trầu. Dựng rạp tượng trưng cho Thánh đường. Ở rể lâu dài. Không có.

Bài 2

Phương pháp hướng dẫn tại điểm du lịch có tính tôn giáo – 5 tiết

I/ Khái niệm

1/ Điểm du lịch có tính tôn giáo:

Điểm du lịch có tính tôn giáo nằm trong tuyến du lịch đã được xác định có sự khảo sát, chọn lọc, chuẩn bị theo một chương trình nhất định. Đây là một điểm du lịch có ý nghĩa về lịch sử, văn hóa, khoa học nên thường là điểm tham quan tiêu biểu, thể hiện các đặc trưng chủ yếu cho một trường phái hoặc một nét sinh hoạt dân cư là sự biểu hiện của phong tục tập quán mang tinh xã hội sâu sắc.

Thí dụ: Ở phía Bắc khi tổ chức cho khách du lịch đi tham quan điểm du lịch có tính tôn giáo các công ty du lịch thường giới thiệu Nhà thờ Đá ở Ninh Bình. Tại Hà Nội tham quan chùa Tây Phương, chùa Trấn Quốc. Ở Thành phố Hồ Chí Minh tham quan nhà thờ Đức Bà, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Bà Thiên Hậu. Ở Tây Ninh tham quan tòa thánh Cao Đài Tây Ninh. Ở Vũng Tàu tham quan chùa Thích ca Phật Đài, Niết Bàn Tịnh Xá, Tượng Chúa Giang Tay, Tượng đài Đức mẹ Bãi Dâu v.v... Đó là những điểm du lịch có tính tôn giáo, đồng thời cũng mang đậm tính lịch sử, nghệ thuật kiến trúc phương Đông và là những danh thắng nổi tiếng ở nước ta.

Hướng dẫn viên du lịch không được đưa du khách đến những điểm du lịch có tính tôn giáo không có trong chương trình du lịch, hoặc chưa được chuẩn bị chu đáo và sự hiểu biết của Hướng dẫn viên chưa đầy đủ, chính xác.



Tượng Chúa, điểm du lịch tôn giáo
ảnh Đoàn Văn Ty

Khi thuyết minh giới thiệu với du khách Hướng dẫn viên du lịch cần có sự định hướng về tư tưởng, gợi mở được tính tích cực, không được thần thánh hóa nội dung bài thuyết minh để dẫn dắt con người đến sự thụ động, bị lụy tuyệt vọng.

2/ Đặc điểm du khách:

Khách du lịch đến tham quan điểm du lịch có tính tôn giáo thường mang theo những mục đích khác nhau, với sự tự nguyện. Tùy theo tâm linh của từng đối tượng khách mà có sự cảm thụ khác nhau nhưng nhìn chung du khách đứng trước các vật thờ cúng tôn giáo đều có cảm giác thiêng liêng.

II / Quy trình hướng dẫn

1) Bước chuẩn bị.

Hướng dẫn viên khi được phân công hướng dẫn du khách tham quan điểm du lịch có tính Tôn giáo, phải trực tiếp đến khảo sát, nghiên cứu thu thập tài liệu, xây dựng chương trình tham quan, viết bài thuyết minh hoặc đọc lại bài viết đã có, yêu cầu được tiến hành trước khi nhận chương trình tour.

Trong chương trình hướng dẫn tham quan cần đề cập đến nội dung sau đây:

Xác định thời gian cần thiết cho toàn bộ chương trình (từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc). Phân chia thời gian cho từng phân đoạn. Trường hợp thời gian thực tế ít hơn thì chọn lựa phương pháp hướng dẫn cho phù hợp đảm bảo thực hiện tham quan được toàn bộ chương trình và chỉ chọn một số phân đoạn trọng tâm nổi bật để hướng dẫn cụ thể.

Xác định các điểm dừng cho từng phân đoạn, chọn không gian và điểm dừng để thuyết minh, không để du khách phân tán trong khi mình đang nói. Từng phân đoạn phải nằm trong hệ thống của toàn bộ chương trình. Nội dung cần tập trung vào vấn đề chủ yếu nhưng khi chuyển tiếp từng phân đoạn này đến phân đoạn khác phải liên tục, gợi mở sự chú ý, gây hứng thú cho suốt cuộc tham quan.

Dự kiến các tình huống và cách xử lý khi có vấn đề nảy sinh bảo đảm cuộc tham quan theo đúng chương trình đã xác định.

Khi nhận chương trình tour từ bộ phận điều hành:

- Hướng dẫn viên du lịch cần biết rõ thời gian dành cho điểm tham quan có tính Tôn giáo (có trong chương trình tour)

Nhanh chóng tìm hiểu đối tượng khách: Số lượng người, nam, nữ, tuổi tác, nghề nghiệp. Trong đoàn phân nhóm theo mục đích: Đến để hành lễ, đến để tìm hiểu, nghiên cứu, đến theo sự hiếu kỳ... từ đó xác định số đông thuộc nhóm nào, để đề cập nội dung của bài thuyết minh cho phù hợp.

Dự kiến trước mối quan hệ giữa du khách và điểm tham quan có tính tôn giáo. Trên cơ sở điều chỉnh thời gian và phương pháp thuyết minh tại các điểm dừng để đảm bảo thực hiện chương trình tham quan theo kế hoạch.

Dự đoán thời tiết trong cuộc tham quan, nếu bị chi phối bởi thời tiết thì có biện pháp ứng phó với tình hình thực tế, tránh tình trạng bỏ qua chương trình hoặc kéo dài thời gian ảnh hưởng đến điểm du lịch khác.

Liên hệ trước với người quản lý điểm tham quan (nếu điểm du lịch này không đón khách thường xuyên trong ngày). Trường hợp tại điểm tham quan có tính tôn giáo đã có người thuyết minh thì cần thông báo cho họ biết trước khi khách đến để cùng phối hợp hướng dẫn du khách thực hiện đúng chương trình đã định.

Kiểm tra lại phương tiện để vận chuyển du khách đến điểm tham quan, bảo đảm chứa đủ số lượng khách, đi đúng thời gian và an toàn tuyệt đối.

2/ Đón khách:

Thực hiện việc đón khách tại điểm hẹn và bố trí khách lên phương tiện vận chuyển, đưa khách tới điểm tham quan theo chương trình du lịch đã đề ra.

Du khách đã lên phương tiện vận chuyển, hướng dẫn viên du lịch cần nắm lại số lượng du khách và bố trí chỗ ngồi hợp lý, tùy theo tình trạng sức khỏe, tuổi tác của du khách, chú ý đến người già, tàn tật, trẻ em.

3/ Trên đường đến điểm tham quan:

Người hướng dẫn du lịch đứng hoặc ngồi ở vị trí thuận lợi để giới thiệu về những địa danh đặc biệt trên tuyến đường di chuyển tạo sự chú ý và liên tưởng của du khách đến điểm tham quan.

Nếu không gian của điểm tham quan có tầm nhìn xa và rộng thì khi gần đến điểm tham quan, người hướng dẫn du lịch tiến hành giới thiệu nét khái quát chung:

- + Tên địa danh mà điểm tham quan tọa lạc.
- + Tên công trình di tích, trường phái tôn giáo.
- + Đặc điểm chung về công trình kiến trúc (quy mô, niên đại, người sáng lập...)

4 / Tại điểm tham quan:

Khi đến điểm tham quan, tại điểm dừng đầu tiên, hướng dẫn viên du lịch giới thiệu tóm tắt toàn bộ điểm tham quan. Sự phân khu, nét đặc trưng về kiểu dáng kiến trúc và trường phái mỹ thuật. Tại đây có thể giới thiệu các phân đoạn và các điểm dừng cho toàn bộ điểm tham quan, các quy định có liên quan đến việc cấm kỵ khi vào bên trong để du khách có khái niệm chung và chủ động thực hiện mục đích riêng của mình tại điểm tham quan.

Hướng dẫn khách lần lượt di chuyển đến các điểm dừng đã xác định. Ở các điểm dừng này tùy theo đặc trưng từng phân đoạn của bài thuyết minh và nhu cầu tham quan của đối tượng du khách để đi sâu vào giới thiệu về kiến trúc và vật thờ cúng.

Đối với công trình kiến trúc: Giới thiệu về hình dáng, kích thước, vật liệu xây dựng, phương pháp kết cấu (xây dựng), trang trí mỹ thuật. Mỗi loại công trình gắn liền với truyền thuyết, sự tích và ý nghĩa tôn giáo.

Đối với vật thờ cúng: Giới thiệu tên gọi, niên hiệu, vật liệu tạo hình, thời gian lưu hành, tính độc đáo, giá trị đối với tôn giáo. Thông thường mỗi vật thờ cúng đều gắn liền với một truyền thuyết và sự tôn thờ mang tính hư ảo. Vì vậy không nên đi sâu vào yếu tố thần linh của nó.



Ở mỗi điểm dừng:

+ Sau khi giới thiệu chung, có thể từng nhóm du khách muốn tìm hiểu sâu về một vấn đề nào đó thì hướng dẫn viên du lịch thuyết minh riêng. Lúc này các đối tượng khác có thể tự mình quan sát tìm hiểu. Tại điểm du lịch tôn giáo thường có người trụ trì, am hiểu sâu về kinh kệ, giáo lý... do đó cần tranh thủ sử dụng họ giới thiệu cụ thể về các vấn đề mà những du khách quan tâm đến việc nghiên cứu tìm hiểu.

+ Những du khách đến điểm du lịch với mục đích hành lễ, cần giành thời gian cho họ thực hiện nhu cầu riêng của mình nhưng phải chú ý hạn chế về thời gian và đảm bảo chương trình chung của cuộc tham quan.

+ Quá trình giới thiệu, người hướng dẫn du lịch cần quan sát trạng thái tâm lý của từng nhóm du khách, nhận biết được chủ đề thuyết minh của mình đã phù hợp với mục đích tham quan của du khách chưa, nên đề cập đến ý nghĩa tích cực của tôn giáo trong đời sống văn hóa, tinh thần. Tạo ra sự ngưỡng mộ, tôn thờ và sự hoài niệm với những cảm xúc nhẹ nhàng, sáng khoái, ghi đậm được dấu ấn trong ký ức.

5/ Tại điểm dừng cuối cùng của điểm tham quan:

Điểm dừng cuối cùng vừa phản ánh được chủ đề phân đoạn riêng vừa định hướng tổng quát cho toàn bộ cuộc tham quan. Tại đây có lời kết luận chung về ý nghĩa của điểm tham quan.

- Giới thiệu về quy tắc hành lễ tôn giáo:
 - + Thời điểm hành lễ.
 - + Tín đồ và những người tự nguyện khác.
 - + Tác động của việc hành lễ đối với sinh hoạt cộng đồng dân cư.
- Nêu các vấn đề có liên quan đến những quy định của chính quyền địa phương trong sinh hoạt tôn giáo (mục này chỉ đề cập khi có du khách cần tìm hiểu).
- Xử lý các tình huống, các câu hỏi và những vấn đề du khách quan tâm. Đối với tình huống nằm trong dự kiến thì giải thích theo nội dung chuẩn bị, những tình huống chưa dự kiến thì cần thận trọng trong việc trả lời câu hỏi, điều chưa rõ thì cần xin lỗi khách và khéo léo kết thúc giai đoạn này.

6/ Kết thúc điểm tham quan:

Kết thúc điểm tham quan người hướng dẫn du lịch cần thực hiện các yêu cầu sau:

- + Gặp người quản lý điểm tham quan để cảm ơn và thu nhận ý kiến của họ về việc tham quan của du khách, giải quyết các vấn đề xảy ra có liên quan đến du khách (nếu có).
- + Đón đóc du khách trở về phương tiện vận chuyển để rời khỏi điểm tham quan, kiểm tra số lượng du khách đã đủ chưa. Cần giúp đỡ những du khách kết thúc việc hành lễ của họ để đảm bảo chương trình chung của đoàn.

Thí dụ cụ thể về một bài thuyết minh du lịch có tính tôn giáo.

Cách ướp xác đạo giáo của Việt Nam

- *Hiện nay ở chùa Đậu thôn Gia Phúc, xã Nguyễn Trãi, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây có hai pho tượng mang thi hài hai vị sư trụ trì ở đây vào nửa cuối thế kỷ 17. Theo tấm bia được khắc năm 1639 còn đặt tại chùa thì chùa Đậu được xây dựng từ thời Lý và hai vị sư tên là Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường. Theo các nhà khảo cổ thì cấu trúc của chùa, gác chuông, bia đá, hoa văn, gạch xây am... đều mang dấu ấn của thời Lê - Nguyễn, không còn thấy dấu vết của lần xây dựng đầu tiên vào thời Lý như bia ghi.*
- *Theo truyền ngôn của dân trong vùng, pho tượng thứ nhất là vị sư Vũ Khắc Minh, còn gọi là nhà sư rau vì suốt đời sư chỉ ăn rau. Trước ngày mất không lâu Sư Cụ vào trong am tụng kinh, gõ mõ, đặt bên cạnh một chum nước uống và một chum dầu thắp rồi dặn các tín đồ: “Sau 100*

ngày, mở cửa am ra không thấy mùi hôi tanh thì hãy bỏ sơn ta vào, nếu mở ra mà thấy ròi bọt thì hãy lấp cả am đi”.

- Sau 100 ngày, các tín đồ mở am ra thấy nhà sư vẫn ngồi nguyên vẹn như đang tụng kinh, vì vậy họ bỏ sơn lên thi hài nhà sư đã tịch.

- Hiện nay, pho tượng ngồi xếp bằng tròn theo tư thế nhập thiền, mình gập, đầu hơi cúi về phía trước, hai tay đặt trước bụng. Chất bồi là đất gò mới trộn sơn sống và mùn cưa. Sau đó là lớp sơn ta màu cánh gián, có giát những lá bạc mỏng, ngoài cùng quang dầu.

- Pho tượng thứ hai mang thi hài tăng Vũ Khắc Trường, người trụ trì kế tục và là người đã khắc tám bia nói trên. Tượng sơn trắng, môi tô son, lông mày và mắt được kẻ vẽ, trước đây đã được tu sửa vì hư hỏng.

- Với sự giúp đỡ của khoa X quang bệnh viện Bạch Mai, Viện Khảo cổ đã có được 7 phim X quang về pho tượng sư Vũ Khắc Minh: Tất cả các xương, đặc biệt 8 xương cổ tay và 7 xương cổ chân khớp với nhau rất đúng theo giải phẫu học. Toàn bộ các đốt xương sống từ cổ đến thắt lưng, xương sườn, xương vai đã long ra rơi vào khoang bụng. Phim xác nhận đây là một người đàn ông. Mặt khác hộp sọ nguyên vẹn, phần xương lá mía không bị đục vỡ để lấy óc ra đưa nước thơm vào như kiểu ướp xác Ai Cập.

- Pho tượng chỉ còn nặng 7kg, chiều cao ngồi 57cm. Theo một số nhà khảo cổ, xác nhà sư đã không cần sấy khô mà bôi ra ngoài thi hài ngay một lớp chỉ dày 2-4 mm nên mới có được thân hình như hiện nay.

- Lớp bồi chính là hộp khung giữ cho xác còn nguyên hình dạng và qua cấu tạo vi thể của các chất bồi, các chất hữu cơ biến thành thể lỏng thoát ra ngoài. Như vậy kỹ thuật ướp xác này rất độc đáo và đã được giới thiệu trong tạp chí quốc tế Ossa và Phật giáo Châu Á vì hòa bình.

7. Câu hỏi ôn tập:

Hãy giới thiệu tóm tắt về các tôn giáo.

Điểm du lịch Tôn giáo?

Đặc điểm du khách loại hình du lịch Tôn giáo?

Nêu Quy trình hướng dẫn khách tại điểm du lịch Tôn giáo, trong đó có các bước:

1. Bước chuẩn bị.
2. Đón khách.
3. Trên đường đến điểm du lịch.
4. Tại điểm tham quan du lịch.
5. Tại điểm dừng cuối cùng của điểm tham quan.
6. Kết thúc cuộc tham quan



Miếu Bà Chúa Xứ An Giang. ảnh Đoàn Văn Tỵ

Chương II
PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN
TẠI ĐIỂM DU LỊCH CÓ TÍNH LỊCH SỬ 10 tiết



Mục tiêu:

Học xong chương này học viên phải:

- Nhận biết được tầm quan trọng của di tích lịch sử trong du lịch.
- Hiểu biết được đặc điểm du khách và điểm du lịch có tính lịch sử.
- Thực hiện được việc hướng dẫn khách tham quan điểm du lịch có tính lịch sử.

Trọng tâm:

- Giúp cho học viên hiểu biết đặc điểm điểm du lịch có tính lịch sử, nội dung chính cần phải giới thiệu với du khách tại điểm du lịch có tính lịch sử.

Bài 1

Những hiểu biết chung về lịch sử 05 tiết

I/ Một vài hiểu biết về lịch sử.

Một trong những nhiệm vụ chính của hướng dẫn viên là phải tuyên truyền giới thiệu cho du khách hiểu biết được quá trình lịch sử lâu đời của dân tộc ta trong dựng nước, giữ nước và xây dựng Tổ quốc. Vì vậy việc tổ chức tốt một cuộc tham quan điểm du lịch mang tính lịch sử của dân tộc Việt Nam là trách nhiệm đồng thời cũng chính là niềm tự hào của hướng dẫn viên du lịch, tự hào vì truyền thống anh hùng bất khuất của người Việt Nam, lại càng có quyền tự hào vì mình là người được nói lên niềm tự hào đó đối với du khách.

1. Khái quát chung về di tích lịch sử.

Di tích lịch sử là những công trình

xây dựng, địa điểm, đồ vật, tài liệu, và các tác phẩm có giá trị lịch sử, khoa học, nghệ thuật, cũng như có giá trị văn hóa khác hoặc có liên quan đến sự kiện lịch sử, quá trình phát triển văn hóa xã hội.



Lăng Hùng Vương trong Khu Di tích lịch sử Đền Hùng ở tỉnh Phú Thọ. ảnh Đoàn Văn Tỵ.

2. Vai trò của di tích lịch sử.

Di tích lịch sử là tài sản vô giá trong kho tàng di sản văn hóa lâu đời của dân tộc, đó là những chứng tích vật chất – tinh thần, phản ánh sâu sắc nhất về cội nguồn, truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước hào hùng của cha ông qua hàng ngàn năm lịch sử.

Trong quá trình đấu tranh cải tạo xã hội để vươn tới một tương lai tốt đẹp hơn, có thể nói từ khi bước vào thời đại văn minh thông qua giá trị các

di sản văn hóa lịch sử, con người đã lấy đó làm thước đo minh định cho sự phát triển của một vùng, của một địa phương.

Xu hướng hiện nay ở các quốc gia trên khắp thế giới là đề cao cái riêng, cái bản sắc dân tộc của họ. Sự tôn vinh đó không ngoài mục đích hướng cho các thế hệ kế tiếp phải biết tìm tiềm tàng, sức mạnh ở quốc gia mình để vươn lên và phát triển. Nhiều học giả đã khẳng định: giá trị di tích lịch sử chính là tiềm năng, động lực để phát triển đất nước. Bảo tồn phát huy tác dụng giá trị di sản văn hóa – lịch sử không chỉ khơi sâu niềm tự hào của dân tộc, tìm ra cội nguồn lịch sử, làm điểm tựa cho sự phát triển mới, nó còn là những nguồn chuyển giao đầy đủ các giá trị vật chất tinh thần từ thế hệ này sang thế hệ khác, góp phần giáo dục truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong tình yêu quê hương, yêu cuộc sống nhân loại. Thông qua các giá trị vật chất tinh thần từ các di sản văn hóa – lịch sử đó làm điểm tựa cho sự phát triển mới của xã hội.

Di tích lịch sử luôn được xem là dấu ấn của một thời, với trình độ phát triển kinh tế văn hóa như thế nào đều được phản ánh khá rõ trong các di tích. Trong nghiên cứu khoa học, di tích lịch sử là những kết quả lao động sáng tạo, là toàn bộ những giá trị mà con người sáng tạo nên, và được sử dụng thỏa mãn cho nhu cầu của mình. Trong quá trình phát triển ngày càng cao của đất nước ta càng quan tâm đến lịch sử quá khứ, đến truyền thống qua giá trị đích thực của di tích. Bảo tồn di tích lịch sử chính là góp phần phát huy truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc.

Như vậy: vai trò vị trí di tích lịch sử trong công cuộc đổi mới hiện nay là những tiềm năng không nhỏ trong sự phát triển kinh tế du lịch, mở ra các hoạt động lễ hội, giáo dục truyền thống, góp phần nghiên cứu khoa học cũng như bảo tồn phát huy bản sắc truyền thống văn hóa dân tộc.

3. Di tích lịch sử và du lịch.

Mỗi di tích, thắng cảnh đều có nét đẹp riêng biệt, cụ thể khác nhau đang được phổ biến phát huy, khai thác giá trị vật chất, tinh thần thông qua hoạt động tham quan du lịch, mỗi di tích lịch sử đều là mới lạ nếu như ta mới đến lần đầu.

Du lịch – Di tích lịch sử có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ nhau, dựa vào di tích thắng cảnh, du lịch có thể giữ chân khách nhiều ngày để khai thác các dịch vụ khác như ăn uống, lưu trú là những khoản thu đáng kể trong hoạt động dịch vụ du lịch nhất là những thời điểm đông khách đến. Mặt khác, dựa vào du lịch, di tích có điều kiện phát huy, tuyên truyền, giáo dục truyền thống cùng các mặt giá trị vật chất, tinh thần có từ di tích.

Qua việc tổ chức tham quan di tích nói chung, lịch sử nói riêng du khách sẽ cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, truyền thống yêu nước, chịu thương, chịu khó lâu đời của con người trong việc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, hiểu được tiềm năng kinh tế và khả năng phát triển đất nước.

Như vậy, có thể nói vai trò của di tích lịch sử đã góp phần xứng đáng trong sự phát triển đất nước nói chung, trong phát triển du lịch nói riêng. Du lịch không phải chỉ là khách sạn sang trọng, đầy đủ tiện nghi cùng những hướng dẫn viên xinh đẹp, khu vui chơi hấp dẫn ... mà các di tích lịch sử cũng giữ vai trò quan trọng cho việc thu hút khách, mở ra các hoạt động văn hóa du lịch góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc ở địa phương, khai thác tốt các dịch vụ kinh tế thông qua hoạt động du lịch.



Xiêm y của nàng My Châu. ảnh Đoàn Văn Ty

II/ Điểm du lịch có tính lịch sử

Điểm du lịch có tính lịch sử là những điểm du lịch đã được xác định trước, đã được xếp hạng là di tích, có thể đã có tài liệu trước, thậm chí ở đó đã có cán bộ chuyên môn của ngành văn hóa giới thiệu, thuyết minh cho khách tham quan; Thí dụ: Tại điểm du lịch có tính lịch sử Bạch Dinh ở Vũng Tàu. Khi du khách trong và ngoài nước đến tham quan tìm hiểu, nghiên cứu về Bạch Dinh thì ở đó đã có các nhân viên ngành văn hóa của tỉnh hướng dẫn khách tham quan. Tại Dinh Thống Nhất thành phố Hồ Chí Minh, tại Hà Nội ở khu Văn Miếu Quốc Tử Giám, tại Nghệ An khu nhà Bác v.v... Tất cả các điểm du lịch đó đã có các nhân viên bảo tàng giới thiệu và có thể có cả chiếu phim minh họa. Vì vậy để có thể chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình hướng dẫn viên du lịch lúc này với vai trò là người tổ chức, người phiên dịch là chính, nhưng lại phải chuẩn bị bài rất kỹ để sẵn sàng thỏa mãn các câu hỏi thêm mà thật khó của du khách.

Điểm du lịch có tính lịch sử có thể chia ra làm hai loại:

1. Điểm du lịch lịch sử vật thể:

Là điểm du lịch có tính lịch sử ở đó có trưng bày các hiện vật như mô hình, di vật ... minh họa cho bài thuyết minh, nhân chứng cho lịch sử.

Ví dụ vào tham quan khu di tích Nhà Trần ở Nam Định, ở đó có rất nhiều hiện vật chứng minh cho một thời hào hùng của hào khí Đông A. Tượng các vị vua nhà Trần, cọc Bạch Đằng trong ba lần đánh thắng quân Nguyên v.v...

2. Điểm du lịch lịch sử phi vật thể:

Là điểm du lịch có tính lịch sử ở đó không còn những hiện vật của lịch sử. Hướng dẫn tham quan những điểm du lịch này hướng dẫn viên du lịch chủ yếu dùng phương pháp kể chuyện làm sống lại những sự kiện lịch sử.

Ví dụ như kể về trận đánh Rạch Gầm Xoài Mút của anh hùng áo vải Nguyễn Huệ:

“Nguyễn Ánh đã nhiều lần thông qua giám mục Bá Đa Lộc (tiếng Pháp: Pigneau de Béhaine) để cầu viện người Pháp nhưng không thu được nhiều kết quả. Do đó, Nguyễn Ánh đã có ý chuyển sang cầu viện ở Xiêm La.

Tháng 2 năm Giáp Thìn (1784), Nguyễn Ánh từ Hà Tiên sang Xiêm La hội kiến với vua Xiêm La là Chakti Tri (Chakri, Rama I) tại (Bangkok). Vua Xiêm sai hai tướng là Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem 2 vạn quân thủy cùng 300 chiến thuyền sang giúp. Ngoài ra còn có 3 vạn quân bộ tiến sang Chân Lạp với danh nghĩa giúp vua Chân Lạp, thực chất với ý đồ tạo gọng kìm phía Tây, chờ cơ hội tiêu diệt quân Tây Sơn.

Quân Xiêm nhanh chóng lấy được Rạch Giá, Ba Thắc, Trà Ôn, Mân Thít, Sa Đéc. Tuy nhiên, ý thế đi đến đâu quấy nhiễu nhân dân, làm nhiều điều tàn ác, cho nên bị dân chúng oán hận.

Tướng Tây Sơn giữ đất Gia Định là phò mã Trương Văn Đa, thấy quân Xiêm sang đánh phá, thế lực mạnh, bèn cố thủ tại Gia Định và sai người về Qui Nhơn báo. Vua Tây Sơn sai Nguyễn Huệ đem binh vào chống giữ.

Do tình hình 3 vạn quân Trịnh đang rình rập ở phía Bắc, 3 vạn quân bộ Xiêm chực chờ ở phía Tây, với 2 vạn quân thủy Xiêm ở phía Nam, Nguyễn Huệ ra quyết sách nhanh chóng đánh tiêu diệt 2 vạn quân chủ lực đường thủy của quân Xiêm.

Sau khi vào Gia Định, Nguyễn Huệ cho bố trí trận địa và nhử quân Xiêm đến gần Rạch Gầm và Xoài Mút ở phía trên Mỹ Tho, rồi đánh một trận, tiêu diệt quân Xiêm.

Đêm 19 rạng 20 tháng 1 năm 1785 (đêm 9 rạng 10 tháng 12 năm Giáp Thìn), quân Xiêm lợi dụng thủy triều xuôi theo dòng sông để tấn công Mỹ



Cọc Bạch Đằng –
Di vật lịch sử
Đền Trần Nam
Định. ảnh Đoàn
Văn Tỳ

Tho nhằm phá vỡ đội thuyền phòng thủ của Tây Sơn. Quân Tây Sơn giả thua rút dần về hướng Mỹ Tho, nhử đối phương lọt vào trận địa mai phục đoạn Rạch Gầm - Xoài Mút. Khi quân Xiêm lọt vào trận mai phục, bất ngờ quân Tây Sơn bắn pháo ở cù lao Thới Sơn và bờ sông Tiền, khóa chặt hai đầu, dồn quân Xiêm vào thế "tiến thoái lưỡng nan". Bên cạnh đó, hỏa hổ ở hai bên bờ nã đạn tới tấp vào đội hình làm quân Xiêm rối loạn, tinh thần hoang mang rồi bỏ chạy. Cùng lúc đó, một đội thuyền cảm tử chở đầy rom và những vật liệu dễ cháy đâm thẳng vào thuyền quân Xiêm làm cho số bị chìm, số bị cháy. Trong khi đó, cánh quân bộ Xiêm La ngay từ đầu đã bị quân Tây Sơn chặn đánh không cho cứu viện.

Chỉ một trận quyết chiến diễn ra không đầy một ngày đã tiêu diệt gần 5 vạn quân Xiêm, chỉ sót được vài nghìn người, chạy theo đường thượng đạo trốn về nước. Các tướng Chiêu Tăng, Chiêu Sương và Nguyễn Ánh phải bỏ chạy theo đường bộ về Xiêm La. Cánh quân bộ nghe tin thất trận cũng tan rã và tháo chạy.

Sau trận đánh này, quân Tây Sơn nổi tiếng đến mức, số quân Xiêm còn lại phải thốt lên rằng: "Sợ Tây Sơn như sợ cọp"

3. Đặc điểm du khách:

Khách du lịch có nhu cầu tham quan những điểm du lịch có tính lịch sử thường là những người có trình độ văn hóa, nhận thức nhất định. Đối tượng chính ngoài du khách thông thường, thì thường là các học sinh, sinh viên, giáo viên, các nhà nghiên cứu sử học, văn học, khảo cổ học v.v... Như vậy ta phải thấy rõ đối tượng phục vụ ở đây là những người có học thức cao, có nhiều mối quan tâm, tìm hiểu về lịch sử, đất nước con người Việt Nam. Mà sự quan tâm chú ý này sẽ rất sâu sắc, tỷ mỉ chi tiết. Sau khi đã nghe hướng dẫn viên du lịch giới thiệu chung tại điểm tham quan du khách có thể sẽ đặt nhiều câu hỏi với nhiều nội dung phong phú đa dạng, thậm chí có cả những ý kiến quan điểm ngược với chúng ta.

Bài 2

Phương pháp hướng dẫn tại điểm du lịch có tính lịch sử - 5 tiết

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, hướng dẫn viên cần làm tốt bước chuẩn bị.

Bước chuẩn bị được chia thành hai giai đoạn:

- Chuẩn bị chung.
- Chuẩn bị cụ thể.

I. Bước chuẩn bị chung:

Nghiên cứu đối tượng phục vụ, chúng ta đã biết khách du lịch có nhu cầu tham quan các điểm du lịch có tính lịch sử thường là những người có hiểu biết, có trình độ nhất định về lịch sử, nhất là đối với những du khách đi du lịch kết hợp với nghiên cứu chuyên đề, sinh viên làm luận văn, vì vậy hướng dẫn viên phải chủ động trong việc chuẩn bị bài thuyết minh của mình. Dự kiến từng loại câu hỏi mà du khách sẽ đặt ra cho mình ở mỗi giai đoạn của bài thuyết minh. Thậm chí chỉ một vấn đề tưởng rất đơn giản nhưng có khi lại có những câu hỏi liên quan đến niên đại, đến lịch sử trong và ngoài nước. Vì thế chuẩn bị chu đáo, nghiên cứu kỹ các tài liệu có liên quan đến điểm du lịch đó sẽ giúp cho hướng dẫn viên chủ động tự tin thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.



Di tích Cột Đá thẻ của Thục Phán ở
Đền Hùng Phú Thọ. ảnh Đoàn Văn Ty

Thí dụ:

Khi đưa khách tham quan điểm du lịch có tính lịch sử Bạch Dinh ở Vũng Tàu, hướng dẫn viên du lịch cần dự kiến các câu hỏi đột xuất có liên quan:

Paul Doumer là ai? Và về nước tranh cử, trúng cử làm tổng thống Pháp từ bao giờ đến bao giờ?

Xoay quanh chủ đề này du khách có thể hỏi vu vơ:

Nhiệm kỳ bầu cử tổng thống ở Pháp mấy năm nhỉ? Và ở Việt Nam?

Khi nói đến việc thực dân Pháp cho giam lỏng ông vua Thành Thái tại Bạch Dinh trước khi đày sang đảo Réunion thì câu hỏi dự kiến có thể là: Thành Thái là vua nào? Con Vua nào? Làm vua bao nhiêu năm? Có người con nào nối ngôi? Sống bao nhiêu tuổi? Hiện nay ở đâu? v.v...

Cứ như thế sẽ không có hồi kết thúc nếu như hướng dẫn viên không biết cách khéo léo chuyển đề tài trở về với nội dung chính của chúng ta.

Chính vì lẽ đó mà càng đi nhiều hướng dẫn viên càng biết cách tích lũy cho mình những tư liệu cần thiết để đáp ứng mọi câu hỏi mà du khách có thể đặt ra và đặt ra bất kì lúc nào.

Vậy trước khi đưa khách đến tham quan điểm du lịch có tính lịch sử hướng dẫn viên cần chuẩn bị kỹ các nội dung sau:

Khái quát chung về di tích lịch sử:

- + Hoàn cảnh ra đời của di tích lịch sử.
- + Vị trí địa lý, cảnh quan, niên đại xây dựng, quy mô kiến trúc, người sáng lập...
- + Giá trị của di tích lịch sử trong đời sống văn hóa của dân cư và Quốc gia.

Thí dụ: Cổ đô Hoa Lư

Cổ đô Hoa Lư là kinh đô đầu tiên trong nền văn minh Đại Việt của dân tộc, nền phong kiến tập quyền ở nước ta.

Cổ đô Hoa Lư ở xã Trường Yên, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình. Nếu từ Hà Nội xuôi phía Nam theo quốc lộ 1A hơn 90 km, đến cầu Huyện thuộc xã Ninh Mĩ rẽ phải vào đường Tiến Yết, đi khoảng 5 km về phía Tây là đến. Khu di tích rộng khoảng 400 ha. Trung tâm của khu cổ đô Hoa Lư là khu vực hai ngôi đền thờ vua Đinh Tiên Hoàng và vua Lê Đại Hành thuộc xã Trường Yên.

- Nội dung của sự kiện lịch sử:

- + Nguồn gốc phát sinh sự kiện lịch sử
- + Diễn biến quá trình nảy sinh sự kiện
- + Các di vật, chứng tích của lịch sử.

+ Nhân vật lịch sử (thân thế, sự nghiệp, xu hướng...)

Năm 968, Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng đế, gọi là Đinh Tiên Hoàng, đặt tên nước là Đại Cồ Việt. Chọn Hoa Lư là vùng núi non kì thú nhưng hiểm trở để làm thủ đô. Tại đây Ông cho xây cung điện, đặt triều nghi, đắp thành, đào hào, dựa vào thế núi xây dựng một công trình phòng ngự kiên cố như một pháo đài hiểm, biệt lập với bên ngoài.

Kinh đô Hoa Lư nằm gọn trong địa phận xã Trường Yên ngày nay, được bao quanh bởi hàng loạt núi đá vòng cung, cảnh quan hùng vĩ. Khoảng trống các sườn núi được xây kín bằng đất ken gạch, chân thành có gạch bó, đắp đá cao từ 8 đến 10 mét, có đoạn phía trong xây gạch, phía ngoài đắp đất, có đoạn đắp đá lẫn đất và có đoạn đắp toàn bằng đất. Đó là những đoạn tường thành nhân tạo.

Hiện nay dấu vết của 10 tuyến đường thành vẫn còn. Đinh Tiên Hoàng đã rất chú ý đến yếu tố “Thành” để bảo vệ kinh đô. Phía bắc thành nằm bên sông Hoàng Long cho nên đường giao thông thủy rất thuận tiện. Đây là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và là một quân thành vững chắc.

Ngoài hai khu thành đó, còn có thành Nam diện tích 100 ha. Ở đây xung quanh có núi cao bao bọc, án ngữ phía nam kinh thành, bảo vệ mặt sau, từ đây, bằng đường thủy có thể nhanh chóng rút ra ngoài.

Thành ngoại rộng khoảng 140 ha thuộc địa phận thôn Yên Thượng và thôn Yên Thành, xã Trường Yên. Đây là cung điện chính, mà khu vực đền Đinh, đền Lê là trung điểm, là nơi Đinh Tiên Hoàng cấm cò nước.

- Ý nghĩa của di tích lịch sử đối với thời đương đại và tương lai:

- + Sự tôn trọng và tôn kính của dân cư.
- + Lễ hội, kỷ niệm.
- + Việc tôn tạo, giữ gìn và phát huy giá trị của di tích lịch sử.

II. Bước chuẩn bị cụ thể:

Khi đã nhận được chương trình, kế hoạch từ bộ phận điều hành, hướng dẫn viên du lịch phải:

1. Tìm hiểu về đoàn khách:

+ Quốc tịch (để chuẩn bị những tư liệu về đất nước khách, để tránh những điều mà phong tục nước đó không cho phép...)

+ Số lượng khách (để chuẩn bị phương tiện vận chuyển, micro, dự tính nơi dừng chân, nơi đứng để giới thiệu, thuyết minh lúc tham quan, dự kiến lượng thời gian cần thiết tại mỗi điểm dừng...)

+ Thành phần, tính chất đoàn khách (nam, nữ, trình độ học vấn, mối quan tâm để chuẩn bị nội dung giới thiệu cho phù hợp)

+ Thời gian (bao gồm thời gian khách đến, thời gian dành cho điểm tham quan, chọn lọc nội dung cần giới thiệu cho ứng khớp với số thời gian đoàn có, phù hợp với mỗi quan tâm của khách).



Di tích lịch sử - điểm du lịch Trường Dục Thanh – Phan Thiết. Ảnh Đoàn Văn Ty

2. Dự kiến các tình huống đột xuất:

- Dự kiến trước mối quan hệ, thái độ tình cảm của du khách với điểm tham quan đó (có thể đồng tình, cảm thông, khâm phục, hoặc thờ ơ, thậm chí còn có biểu hiện ngược lại). Vì vậy khi hướng dẫn viên giới thiệu với du khách tại các điểm di tích lịch sử cố gắng tránh gợi lại những kỷ niệm không vui có thể có liên quan đến khách. Thí dụ tại điểm du lịch chứng tích Sơn Mỹ, nhắc lại những kỷ niệm, những tội ác tột cùng của Đế quốc Mỹ chúng ta cần phân biệt rõ giặc Mỹ với nhân dân Mỹ, nhất là nhân dân tiến bộ Mỹ đã từng ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta.

- Có thể liên hệ, điện báo trước cho những điểm tham quan đó về đoàn khách, nhất là ở những điểm không thường xuyên đón khách để tránh khi đưa khách đến thì họ đã đóng cửa rồi.

- Kiểm tra lại phương tiện vận chuyển khách đến điểm tham quan.

III. Trên đường tới điểm tham quan.

1. Thuyết minh trên đường tới điểm tham quan.

- Sau khi đã đón được hết khách lên phương tiện vận chuyển, cần kiểm tra lại số lượng khách, hỏi thăm tình trạng sức khỏe của khách, ổn định chỗ ngồi, phổ biến chương trình, điểm mà khách sắp đến tham quan. Chuẩn bị thật tốt về mặt tâm lý cho khách về điểm tham quan mà khách sẽ đến thăm.

2. Giới thiệu tổng quát, định hướng tham quan.

- Trên đường đi hướng dẫn viên tiếp tục làm nhiệm vụ.
- Tranh thủ giới thiệu một cách tóm tắt về điểm tham quan:
 - + Tên gọi của di tích lịch sử đó.
 - + Các vấn đề cần lưu ý, gợi ý du khách chú ý quan sát theo dõi tại điểm tham quan.

IV. Tại điểm tham quan:

1. Chọn vị trí thích hợp để thuyết minh

Nhờ có việc chuẩn bị tốt về mặt tâm lý nên thông thường khi đến điểm tham quan khách sẽ rất phấn khởi muốn được nhìn tận mắt, nghe trực tiếp những điều cần tìm hiểu, nghiên cứu ở điểm du lịch này. Vì vậy hướng dẫn viên du lịch phải nhanh chóng tìm vị trí thuận lợi nhất cho khách đứng nghe, vị trí cho mình đứng giới thiệu để làm sao khách vừa nghe được, vừa quan sát được các điểm tham quan, đồng thời vẫn có thể nhìn thấy cả hướng dẫn viên du lịch nữa.

Trường hợp ở địa phương không có thì hướng dẫn viên du lịch phải hướng dẫn giới thiệu tổng quát điểm tham quan, nội dung cơ bản của di tích lịch sử này. Sau đó đưa khách đến các điểm dừng tại các khu vực cho khách vào thăm kết hợp nghe giới thiệu.

Hướng dẫn viên du lịch lần lượt chỉ dẫn giới thiệu cho khách tham quan khu di tích theo một chu trình khép kín đã được chuẩn bị trước đó. Ở một điểm dừng nhỏ hướng dẫn viên du lịch cần lưu ý giới thiệu các điển tích lịch sử, các giai thoại, các nội dung cần giới thiệu đồng thời kết hợp chỉ cho khách xem các hiện vật thực có ở điểm tham quan này. Lần lượt nên giới thiệu toàn cảnh, hình dáng, kiểu cách bố trí của khu di tích lịch sử, những nội dung chính mà khu di tích này trưng bày và muốn giới thiệu.



Cây đa lịch sử ở thị xã Phú Thọ.

ảnh Đoàn Văn Ty

2. Kết hợp với hướng dẫn viên tại điểm:

Thông thường tại điểm di tích lịch sử có cán bộ thuyết minh chuyên trách hoặc hướng dẫn viên du lịch của địa phương thuyết minh.

Trong trường hợp có Hướng dẫn viên tại điểm hoặc địa phương như vậy thì hướng dẫn viên theo đoàn đóng vai trò là người tổ chức, quán xuyến đôn đốc du khách tham quan theo sự hướng dẫn và lắng nghe lời thuyết minh của hướng dẫn viên tại điểm.

3. Dành thời gian để khách thưởng thức:

Cứ sau mỗi lần giới thiệu xong từng phân đoạn nhỏ, hướng dẫn viên du lịch cần dành thời gian thích hợp để khách xem xét thực tế, liên hệ giữa hiện vật và lời thuyết minh. Lúc này có thể khách sẽ có những câu hỏi, khi nghe khách đặt câu hỏi hướng dẫn viên du lịch cần tỏ rõ sự quan tâm sâu sắc của mình về những câu đó (biểu thị chăm chú lắng nghe, nghe hết câu hỏi, suy nghĩ và trả lời khách). Giải thích tỷ mỉ chu đáo, dễ hiểu bao nhiêu thì càng thể hiện khả năng của mình trước đoàn khách đối với hướng dẫn viên du lịch cũng dần dần được củng cố sau mỗi lần đáp ứng các câu hỏi mà khách đặt ra.

4. Trả lời các câu hỏi của khách:

Hướng dẫn viên du lịch phải chuẩn bị để có thể trả lời được tất cả các câu hỏi của khách, cho dù câu hỏi đó có thể là ngớ ngẩn nhất. Sự trả lời duyên dáng, pha lẫn chút dí dỏm, hài hước chính là năng lực nghề nghiệp của hướng dẫn viên.

V. Tại điểm dừng cuối cùng của điểm tham quan:

1. Tóm tắt nội dung, chủ đề tham quan

Tại điểm cuối cùng của di tích lịch sử mà hướng dẫn viên du lịch vừa giới thiệu với khách, hướng dẫn viên du lịch cần tranh thủ tóm tắt nội



Đền Đô, nơi thờ các vua Triều Lý ở Bắc Ninh. ảnh Đoàn Văn Ty

dung, nêu bật được chủ đề mà mình muốn giới thiệu đồng thời có những lời kết luận về điểm tham quan đó.

2. Liên hệ chung về điểm tham quan

Trong khi kết luận có thể vận dụng liên hệ sao cho khách thấy rằng đây là những điểm du lịch hấp dẫn hàng ngày thường có nhiều khách trong và ngoài nước đến tham quan (có thể có con số lượt khách cụ thể thì càng tốt).

3. Thời gian dành cho du khách

Trước khi kết thúc để trở lại xe, hướng dẫn viên du lịch cần dành thời gian để khách có thể hỏi thêm, có thể xem lại hoặc mua tài liệu về di tích lịch sử đó.

VI. Kết thúc cuộc tham quan:

Kết thúc cuộc tham quan điểm mang tính lịch sử hướng dẫn viên du lịch có thể dành thời gian cho khách ghi sổ cảm tưởng. Bản thân hướng dẫn viên du lịch tranh thủ gặp cán bộ nhân viên ở điểm du lịch để cảm ơn và ghi nhận những ý kiến của họ về việc tham quan của du khách, giải quyết các vấn đề đã xảy ra có liên quan đến đoàn khách của mình (nếu có).

Nhắc nhở, thu xếp khách lên xe đầy đủ và tiếp tục chương trình như đã định.

Câu hỏi ôn tập:

1. Cho biết khái niệm chung về điểm du lịch có tính lịch sử.
2. Đặc điểm du khách tham quan điểm du lịch có tính Lịch sử.
3. Bước chuẩn bị chung khi hướng dẫn khách tham quan điểm du lịch có tính lịch sử.
4. Bước chuẩn bị cụ thể khi hướng dẫn khách tham quan điểm du lịch có tính lịch sử.
5. Công việc của HDVDL trên đường tới đưa khách tới điểm tham quan
6. Công việc của HDVDL tại điểm tham quan.
7. Công việc của HDVDL tại điểm dừng cuối cùng ở điểm tham quan
8. Công việc của HDVDL khi kết thúc cuộc tham quan điểm du lịch có tính lịch sử.

Chương III
PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN
TẠI ĐIỂM DU LỊCH MÔI TRƯỜNG SINH THÁI 05 Tiết

Mục tiêu:

Học xong chương này học viên phải:

- Xác định được điểm du lịch môi trường sinh thái.
- Hiểu biết được đặc điểm du khách và điểm du lịch có tính môi trường sinh thái.
- Hiểu và thực hiện được việc hướng dẫn khách tham quan điểm du lịch có tính môi trường sinh thái.

Trọng tâm:

- Giúp cho học viên hiểu biết đặc điểm điểm du lịch có tính môi trường sinh thái, nội dung chính cần phải giới thiệu với du khách tại điểm du lịch có tính môi trường sinh thái.



Gành Dầu ở Bắc đảo Phú Quốc.
ảnh Đoàn Văn Ty

Bài 1

Những hiểu biết chung về môi trường sinh thái - 02 tiết

I/ Một vài hiểu biết về môi trường sinh thái:

1. Môi trường:

Có ba cách hiểu

- Thông thường trong đời sống hàng ngày: để chỉ hoàn cảnh đặc trưng ngành nghề nào đó; Môi trường sống, môi trường làm việc, môi trường công tác v.v...
- Toàn bộ hoàn cảnh, yếu tố điều kiện bao quanh con người đó là môi trường và sinh vật. Ngành khoa học nghiên cứu về môi trường sinh vật gọi là “*Sinh thái học*”.
- Môi trường chỉ tất cả các điều kiện yếu tố tạo ra môi trường sống của con người.



Hương Nhung. ảnh Đoàn Văn Ty

Như vậy: Tất cả những gì đang tồn tại trên bề mặt trái đất, những gì đang tồn tại xung quanh chúng ta: Đất, nước, cuộc sống hoang dã, thực vật và các nguồn tài nguyên khác có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp trong đời sống con người đó là môi trường.

(135 iệu km²/ trên trái đất có mặt con người)

2. Khái niệm về Du lịch sinh thái:

Nói đến du lịch sinh thái người ta cũng có thể đưa ra nhiều khái niệm đơn giản như:

- Du lịch sinh thái là du lịch đến với thiên nhiên hoang dã.
- Du lịch sinh thái là du lịch đến với khu bảo tồn thiên nhiên.
- Du lịch sinh thái là du lịch thám hiểm hoặc mạo hiểm và tìm hiểu văn hóa bản địa.

Du lịch sinh thái có nhiều dạng như:

- Du lịch sinh thái hang động.
- Du lịch sinh thái biển.
- Du lịch sinh thái ao hồ sông nước.
- Du lịch sinh thái rừng có động vật và thực vật.
- Du lịch sinh thái vườn.

Đã có khá nhiều định nghĩa về du lịch sinh thái:

Hiệp hội du lịch sinh thái (Ecotourism Society) có định nghĩa:

“Du lịch sinh thái là du lịch có trách nhiệm với các khu thiên nhiên, là nơi bảo tồn môi trường và cải thiện phúc lợi cho nhân dân địa phương”.

Ở Việt Nam, tại Hội thảo quốc gia về “Xây dựng chiến lược phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam” (1999) đã đưa ra định nghĩa về Du lịch sinh thái:

“Du lịch sinh thái là loại du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp nỗ lực bảo vệ và phát triển bền vững với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương”.

II/ Điểm du lịch sinh thái:

Một môi trường sạch sẽ, các khoảng không thiên nhiên được bảo vệ và một nền văn hóa địa phương độc đáo là những yếu tố chủ yếu tạo nên sự thành công cho một điểm du lịch sinh thái.

Điểm du lịch sinh thái là những điểm đã được xác định trước, những nơi có bờ biển đẹp, bãi cát trắng thoai thoải, sóng biển hiền hòa như Vũng Tàu, Nha Trang ... Những nơi núi non hùng vĩ, thác nước tuyệt vời, phong cảnh thiên nhiên hữu tình như Đà Lạt, vùng Tây Nguyên, vùng Tây Bắc, Việt Bắc.

Những nơi có vùng khí hậu trong lành, mát mẻ, bầu không khí sạch chưa bị sự chà đạp thô bạo của con người ...



Khỉ trong khu sinh thái Cần Giờ
ảnh Đoàn Văn Ty

Những khu rừng nguyên sinh, với nguồn tài nguyên động thực vật phong phú hấp dẫn Khu Sinh Thái Cần Giờ (Đã được công nhận là Khu dự trữ sinh quyển của thế giới. Ngày 28 tháng 11 năm 2000, Tại huyện Cần Giờ, nhân kỷ niệm ngày Lâm nghiệp Việt Nam, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức lễ đón nhận bằng công nhận “Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn” đầu tiên của Việt Nam do Ủy Ban hợp tác quốc tế chương trình con người và sinh quyển của UNESCO công nhận. Đây là một trong 368 Khu dự trữ sinh quyển thuộc 91 quốc gia trên thế giới.)

III / Đặc điểm du khách:

Khách du lịch sinh thái là những người đi du lịch quan tâm chủ yếu đến giá trị tự nhiên và giá trị nhân văn ở những khu vực thiên nhiên hoang dã.

Những người đã trưởng thành, có trình độ học vấn cao, có thu nhập cao, quan tâm đến môi trường thiên nhiên và thích mạo hiểm.

Những người thích hoạt động ngoài trời, có kinh nghiệm đi du lịch, cả nam lẫn nữ.

Những người có điều kiện đi du lịch dài ngày, mức chi tiêu tương đối cao.

Những người không đòi hỏi cơ sở kinh doanh lưu trú, ăn uống cao cấp. Nhưng có đủ phương tiện cần thiết tối thiểu, vệ sinh tốt, có đủ các loại dịch vụ.



Ảnh Đoàn Văn Ty

Những người thích tò mò, tìm hiểu vấn đề một cách kỹ lưỡng, sâu sắc, nơi đến vừa là để nghỉ dưỡng vừa là nơi có tính giáo dục.

Khách du lịch sinh thái thường mong muốn tìm kiếm gồm hiểu biết thiên nhiên hoặc có thêm kinh nghiệm về tự nhiên, hiểu biết hoặc có thêm kinh nghiệm về văn hóa bản địa, thư giãn, thay đổi môi trường, giao lưu xã hội và tiêu khiển.

Khách du lịch sinh thái có đặc điểm khác với các khách du lịch khác là họ thích nơi ở ít người, ở chung cộng đồng địa phương. Thích những vùng xa xôi hẻo lánh, còn hoang sơ. Tìm hiểu động vật và thiên nhiên, quan sát động thực vật. Hiểu biết nhiều về văn hóa địa phương.

Khách du lịch tham quan để thưởng thức môi trường và vẻ đẹp của nó, để tận hưởng bầu không khí trong lành, tốt đẹp của môi trường sinh thái. Ví như : Biển; Việt Nam có nhiều bãi biển chạy dọc suốt chiều dài đất nước với hơn 3.260 km bờ biển. Nhiều bãi tắm đẹp không chỉ nổi tiếng ở trong nước mà còn nổi tiếng cả ở nước ngoài như Đồ Sơn (Hải Phòng), Sầm Sơn (Thanh Hóa), Cửa Lò (Nghệ An), Bãi Cháy (Quảng Ninh), Nha Trang (Khánh Hòa), Bãi Sau (Vũng Tàu) v.v... Các di tích cổ: Hà Nội với nhiều di tích cổ; Sapa (Lào Cai) với Bãi Đá Cổ Sapa; Thánh Địa Mỹ Sơn (Quảng Nam), Tháp Chàm ở Phan Rang, Phan Thiết. Cuộc sống hoang dã: Rừng Quốc Gia Cúc Phương, Nam Cát Tiên, Côn Đảo, Bình Châu - Phước Bửu...

Do sức ép của công việc căng thẳng, của môi trường ô nhiễm, và của các quan hệ xã hội mà du khách ngày càng mong muốn được tìm đến những nơi có bầu không khí trong lành, khí hậu dễ chịu, phong cảnh ngoạn mục ...

Tìm hiểu động vật và thiên nhiên, quan sát động thực vật. Du khách có nhu cầu tham quan các điểm du lịch sinh thái thường là những người yêu thích thiên nhiên, muốn có cuộc sống hòa quyện với thiên nhiên. Và nhiều du khách kết hợp nghiên cứu môi trường sinh thái, kết hợp nghiên cứu về thiên nhiên, về thế giới động, thực vật, về côn trùng v.v ... họ có thể bỏ ra hàng chục ngàn đô la Mỹ, đi xa hàng ngàn cây số từ châu lục này sang châu lục khác, từ Âu sang Á, ... để đi tìm những khu rừng bắt nhiều loại côn trùng khác nhau để nghiên cứu, có thể ngồi hàng ngày bên cánh rừng để nghiên cứu ghi lại những hiện tượng đầy phong phú của thế giới động, thực vật. Để

tìm đến những điểm du lịch mà nơi đó môi trường còn trong sạch, còn giữ được nét đẹp của thiên nhiên tự nhiên, của tài nguyên du lịch thiên nhiên.

Du khách dạng này thường có nhu cầu tham quan kết hợp tìm hiểu, nghiên cứu cảnh quan thiên nhiên, nghiên cứu sinh vật cảnh, kết hợp nghỉ ngơi hòa quyện cuộc sống của mình với cuộc sống thiên nhiên. Vì thế hướng dẫn du khách tham quan dạng này cần tạo tâm lý cho du



khách biết yêu thích, quý trọng những gì mà thiên nhiên ban tặng cho con người.

Xe ngựa. ảnh Đoàn Văn Ty

Khách du lịch nội địa đi du lịch sinh thái thường theo đoàn do các đơn vị, cơ quan, trường học, hãng lữ hành tổ chức. Số lượng mỗi đoàn thường phù hợp với loại phương tiện vận chuyển thông thường từ khoảng 10 đến 50 người một nhóm. Thời gian lưu trú bình quân 1 đến 2 ngày. Mục đích chuyến đi du lịch sinh thái chủ yếu là tham quan các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, nghỉ ngơi theo mùa ở núi, ở biển. Nhu cầu mạo hiểm chưa nhiều, chủ yếu khách dựa vào tự nhiên của thiên nhiên, đi dã ngoại, tận hưởng khí trời ngoài thiên nhiên, tham quan các bản làng, nhưng mối quan tâm chưa cao. Do đó thời gian chuyến đi ngắn, mức chi tiêu ít.

Đến nay khách du lịch nội địa còn chưa có ý thức cao về giữ gìn vệ sinh môi trường, còn có những hành động hủy hoại, xâm hại môi trường (vứt rác bừa bãi, khắc tên lên cây, lên hang động, Bẻ cây, hái hoa ...)

Bài 2

Phương pháp hướng dẫn tại điểm du lịch sinh thái

3 tiết

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, hướng dẫn viên du lịch cần làm tốt bước chuẩn bị, bước chuẩn bị được chia thành hai giai đoạn:

- Chuẩn bị chung
- Chuẩn bị cụ thể

I . Bước chuẩn bị chung:

1. Khái quát chung về môi trường sinh thái

Tìm hiểu về điểm du lịch sinh thái mà mình sẽ đưa khách đến tham quan du lịch, nắm chắc tình hình, số lượng các loài sinh vật, chủ động khi thuyết minh với du khách về điểm du lịch này.

2. Chuẩn bị sức khỏe, tinh thần

Nghiên cứu đối tượng phục vụ, chúng ta đã biết khách du lịch có nhu cầu tham quan các điểm du lịch môi trường sinh thái thường là những người có hiểu biết, có trình độ hiểu biết nhất định về thiên nhiên, môi trường và có tâm hồn yêu mến thiên nhiên, nhất là đối với những du khách đi du lịch kết hợp nghiên cứu chuyên đề, những sinh viên thâm nhập thực tế ... Hướng dẫn đối tượng khách này hướng dẫn viên du lịch cần chuẩn bị trước hết là sức khỏe, sự bền bỉ, dẻo dai lòng yêu mến thiên nhiên.

3. Kiến thức chung về môi trường sinh thái.

Và để có thể giúp đỡ du khách nghiên cứu về thiên nhiên môi trường thì hướng dẫn viên du lịch cũng phải chủ động nghiên cứu trước một cách kỹ lưỡng đời sống động thực vật (môi trường sống, sự sinh sản, tuổi thọ của



Vườn Chim Cà Mau. ảnh Đoàn Văn Ty

các loài động, thực vật, tác dụng của chúng đối với đời sống thiên nhiên và con người v.v...). Các tầng vữa của địa chất, các hiện tượng tự nhiên của biển, hồ, sông, suối, núi non. Những kiến tạo của bề vỏ trái đất. Giải thích những hiện tượng thiên nhiên như tại sao lại có nước khoáng nóng? Chuẩn bị chu đáo, nghiên cứu kỹ các tài liệu có liên quan đến điểm du lịch đó sẽ giúp cho hướng dẫn viên chủ động tự tin thực hiện tốt nhiệm vụ của mình.

Thí dụ:

Khi đưa khách tham quan điểm du lịch sinh thái Cần Giờ, hướng dẫn viên cần dự kiến các câu hỏi đột xuất có liên quan:

Đời sống loài khỉ: Sống được bao nhiêu năm? Có chữa mấy tháng? đẻ mấy con, sống có vợ chồng hay mẫu hệ?

Cây đước, cây mắm, cây sù, cây vẹt ... phân biệt và chỉ cho du khách thấy được từng loại cây đó và nói đặc tính, tác dụng của các loài cây đó với môi trường và đời sống con người.

Vậy trước khi đưa khách đến tham quan điểm du lịch môi trường sinh thái hướng dẫn viên cần chuẩn bị kỹ các nội dung sau:

- Khái quát chung về khu du lịch Môi trường Sinh Thái.
- + Sự hình thành khu du lịch môi trường sinh thái. Thí dụ Khu du lịch Suối Tiên Thủ Đức ... Bà Nà.
- + Vị trí địa lý, cảnh quan, diện tích khu du lịch, quy mô xây dựng.
- + Giá trị ý nghĩa của khu du lịch trong đời sống văn hóa của dân cư và của phát triển du lịch.



Tình Mẫu tử. ảnh Đoàn Văn Ty

II . Bước chuẩn bị cụ thể:

1. Tìm hiểu về đoàn khách



- Khi đã nhận được chương trình, kế hoạch từ bộ phận điều hành, hướng dẫn viên phải:

- Tìm hiểu nắm bắt thông tin về đoàn khách.

+ Quốc tịch (để chuẩn bị những tư liệu về đất nước khách, để tránh những điều mà phong tục nước đó không cho phép ...).

+ Số lượng khách (để chuẩn bị phương tiện vận chuyển, micro, dự tính nơi dừng chân, nơi đứng để giới thiệu, thuyết minh lúc tham quan, dự tính lượng thời gian cần thiết tại mỗi điểm dừng ...)

+ Thành phần, tính chất đoàn khách (nam, nữ, trình độ học vấn, mối quan tâm ...) để chuẩn bị nội dung giới thiệu cho phù hợp.

+ Thời gian (bao gồm thời gian khách đến, thời gian dành cho điểm tham quan, chọn lọc nội dung cần giới thiệu cho ứng khớp với số thời gian đoàn có, phù hợp mối quan tâm của khách).

2. Phương tiện vận chuyển khách:

Kiểm tra lại phương tiện vận chuyển khách đến điểm tham quan. Tất cả các loại phương tiện vận chuyển khách phải được sạch sẽ, chu đáo và sẵn sàng phục vụ tốt nhất đoàn khách trong suốt cuộc tham quan.

III . Trên đường tới điểm tham quan:

1. Đón khách:

Sau khi đã đón được hết khách lên phương tiện vận chuyển, cần kiểm tra lại số lượng khách, ổn định chỗ ngồi, phổ biến chương trình, điểm mà khách sắp đến tham quan. Chuẩn bị thật tốt về mặt tâm lý cho khách về điểm tham quan mà khách sẽ đến thăm.

2. Thuyết minh trên đường tới điểm tham quan:

Trên đường đi hướng dẫn viên tiếp tục làm nhiệm vụ chuẩn bị tâm lý cho du khách sẵn sàng đón nhận buổi tham quan. Tranh thủ giới thiệu tóm tắt về điểm tham quan, những vấn đề cần lưu ý du khách trong suốt buổi tham quan

3. Giới thiệu chung về điểm tham quan, định hướng tham quan:

Giới thiệu một cách tóm tắt về điểm tham quan.

+ Tên gọi của điểm tham quan, diện tích, đặc điểm khu Du lịch. Thác nước cao, rộng, sâu. Như thác Dambri ở Bảo Lộc Lâm Đồng; thác Dray Nu, Dray Sáp ở Buôn Ma Thuột. Thác Bản Giốc ở



Rắn ở Trại rắn Đồng Tâm Tiền Giang. ảnh Đoàn Văn Ty

Cao Bằng. Hang động như Thủy động Phong Nha, Hang động Huyền Môn ở Ngũ hành Sơn Đà Nẵng, Thạch Động ở Hà Tiên...

+ Các vấn đề cần lưu ý, gợi ý du khách chú ý quan sát theo dõi tại điểm tham quan, quan sát đặc điểm sinh hoạt của các loài vật. Lưu ý sự an toàn của du khách và của vật tham quan; Rắn ở Trại Rắn Đồng Tâm, voi ở Tây Nguyên, Khi ở Cần Giờ ... Leo trèo khu vực thác nước, Đi cầu treo, Cầu khỉ v,v...

Thí dụ : Khu du lịch Bà Nà

Bà Nà cách Trung tâm Thành phố Đà Nẵng 40 km về phía tây, có độ cao 1.487 mét so với mặt nước biển. Điều kỳ diệu là trên đỉnh núi cao vời vọi ấy lại có địa hình bằng phẳng như một Tây nguyên nho nhỏ. Trong mùa hè nóng bức, khi nhiệt độ tại Đà Nẵng lên tới 32⁰C thì nơi đây nhiệt độ ban ngày chỉ xê dịch từ 17⁰C đến 20⁰C, đêm vào khoảng 15⁰C. Bốn mùa cùng xuất hiện trong một ngày ở Bà Nà: Sáng - Xuân, Trưa - Hạ ; Chiều - Thu; Đêm - Đông. Khí hậu ôn hòa, suối chảy rì rào, rừng cây xào xạc làm cho nơi đây có thể sánh với những vùng nghỉ mát như Tam Đảo, Đà Lạt ... Bà Nà còn có giá trị là một khu bảo tồn thiên nhiên với 554 loài thực vật bậc cao, 256 loài động vật trong đó có 6 loài cây và 44 loài động vật quý hiếm được ghi trong sách đỏ Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế.

So với Tam Đảo, Đà Lạt, Bà Nà có ưu thế hơn về tầm nhìn toàn cảnh. Từ trên những mỏm núi du khách có thể bao quát cả một không gian mênh mông: Biển cả, thành phố Đà Nẵng, những cánh đồng lúa xanh tận chân trời...

Với những ưu thế tuyệt diệu đó từ những năm đầu thế kỷ XX người Pháp đã chọn Bà Nà làm nơi nghỉ mát và xây dựng nơi đây hàng trăm biệt thự, lâu đài ... Thiên tai, dịch họa hơn nửa thế kỷ qua đã làm mất đi hình ảnh các lâu đài, nhà nghỉ ... nhưng còn đó sự hào phóng của thiên nhiên với những cánh rừng nguyên sinh và một vùng khí hậu ôn hòa mát mẻ với muôn ngàn âm thanh xào xạc của đôi thông hòa quyện cùng khúc nhạc róc rách của những con suối tràn lên trên thành đá hoa cương, rồi lặng lẽ lẫn khuất sau những cánh rừng xanh ngắt

Đầu năm 1998 UBND Thành phố Đà Nẵng đã quyết định xây dựng khu du lịch Bà Nà giao cho Công ty Du lịch - Dịch vụ Đà Nẵng quản lý, khai thác phục vụ nhu cầu nghỉ mát cho nhân dân và phát triển du lịch Thành phố.

Hiện nay một số Biệt thự tại khu du lịch Bà Nà đã được trùng tu lại với đầy đủ các tiện nghi và dịch vụ hiện đại sẵn sàng phục vụ du khách.

IV . Tại điểm tham quan

1. Hướng dẫn khách tham quan theo thực tế tại điểm:

Hướng dẫn viên du lịch lần lượt chỉ dẫn giới thiệu cho khách tham quan khu du lịch theo một chu trình khép kín đã được chuẩn bị trước đó. Ở một điểm dừng nhỏ hướng dẫn viên du lịch cần lưu ý giới thiệu các nội dung cần giới thiệu đồng thời kết hợp chỉ dẫn cho khách xem các con vật, cây, trái thực có ở điểm tham quan này.

2. Dành thời gian để du khách tham quan thực tế:

Sau khi giới thiệu xong, hướng dẫn viên du lịch cần dành thời gian thích hợp để khách xem xét thực tế, giành nhiều thời gian tham quan thực tế, và nghỉ ngơi.

3. Trả lời, giải thích các câu hỏi của khách:

Lúc này có thể khách sẽ có những câu hỏi, khi nghe khách đặt câu hỏi hướng dẫn viên du lịch cần tỏ rõ sự quan tâm sâu sắc của mình về những câu hỏi đó (biểu thị chăm chú lắng nghe, nghe hết câu hỏi, suy nghĩ và trả lời khách). Giải thích tỉ mỉ chu đáo, dễ hiểu bao nhiêu thì càng thể hiện khả năng của mình trước đoàn khách bấy nhiêu. Uy tín của hướng dẫn viên du lịch, tình cảm của đoàn khách đối với hướng dẫn viên du lịch cũng dần dần được củng cố sau mỗi lần đáp ứng các câu hỏi mà khách đặt ra.

Thí dụ:

VỊ THUỐC LÀM TÓC BẠC HÓA ĐEN,

TÌNH DỤC MẠNH LÊN, TĂNG THÊM SỨC KHỎE

Cây thuốc có đặc tính cứ đêm đến là quán quýt lấy nhau nên gọi là Dạ hợp hoặc Giao Đăng.

Bài thuốc: “Thất bảo Mỹ nhiệm đơn” làm cho râu, tóc trắng hóa đen, khỏe gân xương, bền tinh khí, sống lâu.

Nguồn gốc vị thuốc Hà Thủ Ô:

Theo bản thảo cương mục, vị thuốc này vốn tên là Giao Đăng, sau vì ông Hà Thủ Ô uống thấy kiến hiệu như thần, khỏe ra nên mới gọi là Hà Thủ Ô.

Ông Hà Thủ Ô người huyện Nam Hà thuộc Thuận Châu có ông nội là Năng Tự, cha là Điền Tú.

Năng Tự trước có tên là Điền Nhi. Điền Nhi khi mới sinh ra yếu ớt, năm 58 tuổi vẫn chưa có vợ con. Một hôm uống rượu say nằm ở sườn núi đến tối bỗng thấy hai gốc cây leo ở xa nhau tới 3 thước ta (0.9 mét) mà cành lá quán quýt lấy nhau, lâu lâu dờn nhau ra, rồi lại quán nhau như trước. Điền Nhi lấy làm lạ. Sáng hôm sau đào lấy củ đem về hỏi mọi người, nhưng không ai biết là củ gì. Sau có một ông già từ phương xa đến chơi, Điền Nhi đem ra hỏi, ông già bảo: Anh đã không có khả năng lấy vợ, đẻ con, mà thứ cây này lạ như vậy có lẽ là một loại thần dược nên đem sắc mà uống. Điền Nhi nghe theo, đem tán bột, mỗi lần uống một đồng cân (4g) với rượu. Uống liền 7 ngày đã thấy trong người khoan khoái, nảy ra ý tưởng về tình dục. Uống luôn vài tháng thì mạnh khỏe chả kém gì ai. Vì thế nên uống mãi, dần dần tăng thêm liều đến 2 đồng cân (8g). Uống được một năm thì các bệnh đều khỏi, tóc đang bạc đen lại hết, vẻ mặt trẻ lại. Sau đó trong khoảng 10 năm lấy vợ, đẻ được vài người con trai, do đó mới đổi tên là Năng Tự (có khả năng sinh con). Năng Tự cùng với con trai là Điền Tú uống mãi thứ thuốc đó mà thọ tới 160 tuổi. Điền Tú sinh ra Hà Thủ Ô cũng uống thuốc đó sinh được vài con trai, thọ đến 130 tuổi tóc vẫn còn đen. Bạn thân của Hà Thủ Ô là Lý An Kỳ lấy được bài thuốc đó đem về uống cũng sống rất lâu và thuật lại truyện trên.

V . Tại điểm dừng cuối cùng ở điểm tham quan:

1. Chuẩn bị chỗ nghỉ ngơi, cắm trại:

Tại điểm cuối cùng của khu du lịch Thái hướng dẫn viên du lịch nên chuẩn bị chỗ ngồi nghỉ, hạ trại, sinh hoạt vui vẻ cả đoàn, lúc này hướng dẫn viên du lịch với vai trò là hoạt náo viên.

2. Liên hệ chung về điểm tham quan:

Kết thúc buổi tham quan hướng dẫn viên du lịch vận dụng liên hệ cho khách thấy rằng đây là điểm du lịch hấp dẫn hàng ngày thường có nhiều khách trong và ngoài nước đến tham quan (có thể có con số lượt khách cụ thể thì càng tốt).

3. Thời gian dành cho du khách:

Trước khi kết thúc trở lại xe, hướng dẫn viên du lịch cần dành thời gian cho du khách tự do tham quan, tìm hiểu, quay phim, chụp ảnh . . . Sau đó mời trở lại phương tiện vận chuyển để tiếp tục cuộc hành trình du lịch.

4. Nhắc nhở du khách trước khi rời điểm tham quan:

Nhắc nhở khách, yêu cầu khách kiểm tra lại hành lý, đồ vật sử dụng trong lúc sinh hoạt cộng đồng, tránh để quên đồ vật lại điểm tham quan.

VI . Kết thúc cuộc tham quan:

Kết thúc cuộc tham quan tại điểm du lịch môi trường sinh thái hướng dẫn viên du lịch nhắc nhở thu xếp, mời khách lên xe và tiếp tục thực hiện chương trình trong ngày.



Câu hỏi ôn tập:

1. Cho biết khái niệm chung về điểm du lịch môi trường sinh thái.
2. Đặc điểm du khách tham quan điểm du lịch môi trường sinh thái.
3. Bước chuẩn bị chung khi hướng dẫn khách tham quan điểm du lịch môi trường sinh thái.
4. Bước chuẩn bị cụ thể khi hướng dẫn khách tham quan điểm du lịch môi trường sinh thái.
5. Công việc của HDVDL trên đường tới đưa khách tới điểm tham quan
6. Công việc của HDVDL tại điểm tham quan.
7. Công việc của HDVDL tại điểm dừng cuối cùng ở điểm tham quan
8. Công việc của HDVDL khi kết thúc cuộc tham quan điểm du lịch môi trường sinh thái.

Bài đọc thêm

1. LỄ HỘI VU LAN

Vu Lan là thuật ngữ mà giới Phật Giáo thường dùng; nó vốn là âm tiếng Hán Ô Lam Bà Nã phiên theo từ tiếng Phạn là Ullambana, có nghĩa là “cứu nạn treo ngược”. Còn trong dân gian Việt Nam gọi là “ngày xá tội vong nhân”. Vu Lan là một lễ hội có quan hệ rất mật thiết với Phật giáo và đó là mùa báo hiếu báo ân của dân tộc ta.

Lễ hội Vu Lan xuất hiện từ Ấn Độ mà Đức Phật Thích Ca khi còn đang tại thế, ngài Mục Kiền Liên vốn là một vị thần thông bậc nhất trong số mười vị Đại đệ tử của Đức Phật ngay sau khi đạt được Quả Giác đã phóng tuệ nhãn tìm kiếm người mẹ đã quá cố của mình. Với lực quan sát tới tận cõi âm, ngài thấy mẹ mình bị đọa vào địa ngục thành quỷ đói bị treo ngược. Ngài đã dùng sức thần thông để đem cơm đến cho mẹ nhưng mẹ ngài không thể ăn được vì bị treo ngược mà cổ họng thì nhỏ như lỗ chôn kim. Ngài liền bạch với Đức Phật xin hãy vì lòng hiếu thảo của ngài mà dạy pháp báo hiếu cho mẹ.

Cảm động trước đại hiếu của đệ tử Mục Kiền Liên, Đức Phật đã thuyết Kinh Vu Lan với đại ý như sau: Những ai muốn báo hiếu cho cha mẹ và người thân đã qua đời thì hãy chờ vào ngày Rằm tháng Bảy vốn là ngày mãn Hạ của chư tăng, ngày hoan hỷ của chư Phật, chư tăng vì đã kết thúc một khóa Hạ học thêm được một phần giáo lý, tăng thêm một tuổi đạo, tăng trưởng thêm thiện căn. Vào ngày ấy nên đem cơm chay và các đồ chay đến cúng dường chư tăng để nhờ vào sức lành của các ngài hội lại mới có thể độ cho người quá cố được siêu thoát. Ngài Mục Kiền Liên đã làm theo lời dạy của Đức Phật và sau đó quan sát thấy mẹ mình đã thoát khỏi cảnh quỷ đói bị treo ngược ở chốn địa ngục và tái sinh lên cõi thiên nhân. Từ đó Phật Tử khắp nơi nô nức làm theo và ngày Rằm tháng Bảy trở thành ngày hội để làm các Phật sự như cúng dường chư tăng, tụng kinh, phóng sinh, thí thực v.v...

Kinh đại báo phụ mẫu trọng ân

Là lời Phật dạy về mười ơn sâu đối với cha mẹ đó là:

- Ôn chín tháng mười ngày cưu mang nặng nhọc.
- Ôn khi gần sinh nở

- Ôn sinh nở
- Ôn ăn đắng nhả ngọt
- Ôn chịu ướt nhường khô
- Ôn bú mớm nuôi nấng
- Ôn tắm gội giặt giũ
- Ôn đi xa lòng mẹ nhớ thương
- Ôn vì con mà cam lòng tạo bao ác nghiệp
- Ôn trọn đời thương yêu con

Kinh thiện sinh ghi lời Phật dạy về sáu phương gồm:

- Hướng Đông đối với cha mẹ
- Hướng Nam đối với thầy
- Hướng Tây vợ đối với chồng
- Hướng Bắc đối với bạn bè
- Hướng quay xuống đất chủ nhà đối với người phục vụ
- Hướng lên trời tôn trọng thầy tu bạn lành.

Tụng kinh A Di Đà là nhằm cầu cho Cha mẹ và người thân đã khuất được vãng sinh tịnh độ.

2. TÊN GỌI, CÁCH BÀI TRÍ VÀ Ý NGHĨA TƯỢNG TRÊN CHÙA VIỆT

Người Việt thờ Phật theo lối bình dân, tức “thế gian trụ trì Phật pháp”, bắt buộc họ phải có ngôi chùa, với tượng Chư Phật Bồ tát.



Theo vòng quay của chữ Vạn là cầu mong sự tinh tiến về thiện căn, nên Phật tử thường vào lễ Phật từ cửa bên trái Tiên Đường, và đầu tiên tiếp cận là bàn thờ Đức Ông. Ở đây người ta trình báo mọi việc trước khi vào lễ chính thức nơi bàn thờ Phật, vì Đức Ông vốn là

ngài Cấp Cô Độc, một trưởng giả từ thiện đã cứu giúp nhiều người nghèo khổ. Được nghe Phật giảng đạo mà giác ngộ, ông mua cảnh vườn ở thành Srāvasti dâng cho Đức Phật thọ ký cho quả bồ đề vô thượng, có trách nhiệm cai quản mọi cảnh chùa – Hình tượng ông được người Việt thể hiện như một quan văn mặt đỏ râu dài. Vào bàn thờ giữa, tức Phật điện, trên cao và sâu nhất là bộ tượng Tam thế, mà tên đầy đủ là “Tam thế thường trụ diệu pháp Nhân” (Thân pháp chân thực tức đạo thể, nhiệm màu đẹp đẽ của các Đức Phật tồn tại vĩnh hằng trong cả ba thời).

Hàng thứ hai là bộ Di Đà Tam tôn, bao gồm A Di Đà ngồi giữa trong thế thiền định, một vị Phật được coi là tồn tại vĩnh hằng và ánh sáng Phật pháp từ ngài tỏa ra để cứu vớt chúng sinh, không có gì che cản nổi. Cũng có khi là tượng Di Đà đứng với tên gọi: Di Đà phát/ phóng quang, nhằm cứu vớt chúng sinh một cách gấp gáp, như vậy dạng tượng này chỉ xuất hiện khi chúng sinh gặp nhiều khổ đau (thiên tai, dịch họa). Bên trái của **Di Đà** là **Quan Âm**, hiện thân của **Từ bi** và bên phải là **Đại thế Chí Bồ Tát** Tượng trưng cho **Trí tuệ**. Hàng thứ ba là bộ **Hoa Nghiêm Tam Thánh**, ở giữa là

Thích Ca Cầm bông sen, Tượng trưng cho **Sự giác ngộ Phật Tâm**, nhắc nhở chúng sinh thành thiện, tự tìm lấy bản chất tốt đẹp của chính mình. Hai bên là **Văn Thù Bồ Tát** cười sư tử, hiện thân của **chân trí** và **Phổ hiền** Cười voi trắng tượng trưng cho **Chân lý Đạo Phật**. Nhiều khi hai Bồ Tát này ngồi trên Đài sen . Hàng thứ 4 là **Di Lặc Phật** (cũng có khi không có) hiện thân của sự **Giàu có hạnh phúc tốt lành, từ bi** Mang tư cách Chúa cứu thế khi chúng sinh gặp nhiều đau khổ. Hàng thứ 5 là **Thích ca sơ sinh**, Hình tượng chú bé đứng trên đài sen, tay chỉ trời, tay chỉ đất nói: “Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn” - Trên trời, dưới trời chỉ có ta (tức Đạo thể diện như Phật, Pháp, Thân) là cao quý hơn cả. Hai bên của tượng này có tượng hai **vua trời** hộ trì khi Phật xuống đời, đó là **Phạm Vương** (Brahma) và **Đế Thích** (Indra) - Trên bàn thờ chính nhiều khi còn có tượng **Ngọc Hoàng** Và **Nam Tào** (giữ sổ sinh, ghi điều thiện), **Bắc Đẩu** (giữ sổ tử, ghi việc ác của chúng sinh). Bộ tượng này nhằm giáo dục con người tránh ác hành thiện, để tránh bị trừng phạt. Ở góc trái của Thượng điện có Bàn thờ **Đức quan Âm Nam Hải** (cũng gọi là Thiên thủ thiên nhãn, Quan Âm Chuẩn đề ...), tượng có nhiều tay, ngồi trên đài sen do quỹ đội, ý nghĩa tượng này ngoài tính Từ bi, còn được gọi là **Thần gắn với biển cả** luôn giúp đỡ thương thuyền, ngư thuyền ... Ở góc bên phải là tượng **Quan âm tọa Sơn**, phần nào hiện thân của **Thần nông Nghiệp**. Thông thường hai bên sườn thượng điện còn có **Thập điện Diêm Vương**, Bộ tượng này ra đời khi xã hội nhiều nhiều nhưong đau khổ. Các điện Diêm Vương có chức năng xét công tội của con người để thưởng phạt công minh. Thế giới của Diêm Vương vô cùng khiếp sợ, nên có tác dụng răn đe tội ác một cách tích cực. Ngoài tiền đường, Ở hầu hết các chùa đều có **tượng kim Cương** (Kim cang), đó là ông **Khuyến thiện trừng ác**. Cũng có khi tám ông nên gọi là **Bát Bộ Kim Cương**. Do được mặc áo giáp nhẵn nhục nên tránh được đục vụng, giữ mình trong sáng và cương quyết như Kim cương nên gọi là tượng Kim Cương với chức năng **Bảo hộ Phật Pháp** nên gọi là Hộ Pháp.

Ở góc phải Tiền đường còn bàn thờ một nhà sư đội mũ tỳ lư đó là **Thánh tăng** (ngài A Nan Đà) đại diện mọi nhà sư ở mọi thời với chức năng **Truyền bá đạo phật** để giác ngộ chúng sinh thoát khỏi vòng khổ đau. Ở hai hàng hành lang còn có bộ tượng gọi là **Thập Bát La Hán**, thực ra là tổ

truyền đăng, ở đó chỉ có **sáu vị là La Hán** còn tất cả là **Bồ tát**. Mặt khác, người Việt ngay từ đầu đã theo Phật giáo Đại Thừa, tu hạnh Bồ tát để cuối cùng chứng quả Phật, họ không theo Tiểu Thừa để đề cao La Hán. Nhà hậu sau thượng điện thường thờ **Tổ chùa** và **Điện mẫu** trong đạo Tứ Phủ cùng các người có công lớn với chùa.

3. QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Quán Thế Âm, cũng gọi là Quán Tự Tại, **Quan Âm**, là một trong những vị Bồ Tát quan trọng nhất trong Đại thừa. Có nhiều luận giải khác nhau về nguyên nghĩa tên ngài. Có người hiểu “*īśvara*” là một “người nam” quán chiếu thế giới, có người hiểu “*svara*” là “Âm”, tức là vị Bồ Tát lắng nghe mọi tiếng thế gian.

Nhìn chung, Quán Thế Âm là thể hiện lòng Bi (sa., pi. *karuṇā*), một trong hai dạng của Phật tính. Vì vậy, có khi người



Quan âm chuẩn đề, chùa Cát Hộ - Đông Hưng Thái Bình. ảnh Đoàn Văn Ty

ta đặt tên cho Bồ Tát là bậc Đại Bi (sa. *mahākāruṇika*). Dạng kia của Phật tính là Trí huệ (Bát-nhã, sa. *prajñā*), là đặc tính được Bồ Tát Văn-thù-sur-lợi (sa. *mañjuśrī*) thể hiện. Quán Thế Âm là vị Bồ Tát thể hiện nguyện lực của Phật A-di-đà (sa. *amitābha*) và được xem như quyền thuộc của vị Phật này (Tịnh độ tông). Với lòng từ bi vô lượng, Quán Thế Âm thể hiện sức mạnh huyền diệu cứu giúp mọi chúng sinh quán tưởng đến mình lúc gặp hiểm nguy. Trong nhân gian, Quán Thế Âm là vị bảo hộ tránh khỏi tai họa và hay được phụ nữ không con cầu tự.

Trong các loại tranh tượng về Quán Thế Âm, người ta thấy có 33 dạng, khác nhau về số đầu, tay và các đặc tính. Thông thường ta thấy tượng Bồ Tát có ngàn tay ngàn mắt, có khi 11 đầu. Trên đầu có khi có tượng A-di-đà, xem như đặc điểm chính. Trên tay có khi thấy Bồ Tát cầm hoa sen hồng, vì vậy

nên Quán Thế Âm cũng có tên là Liên Hoa Thủ (người cầm hoa sen) hay nhành dương liễu và một bình nước Cam-lộ. Số tay của Bồ Tát biểu hiện khả năng cứu độ chúng sinh trong mọi tình huống.

Trong tranh tượng với 11 đầu thì Quán Thế Âm mang 9 đầu của chín vị Bồ Tát, một đầu của một vị Phật và cuối cùng là đầu của Phật A-di-đà. Cứ mỗi ba đầu tượng trưng là ba đặc tính: từ bi với chúng sinh khổ nạn, quyết tâm đối trị cái xấu, hoan hỉ với cái tốt. Theo một cách nhìn khác thì 11 đầu biểu tượng cho mười cấp của Thập địa và Phật quả.

Đôi lúc Quán Thế Âm Bồ Tát cũng được trình bày dưới một dạng ít thấy, đó là “*Sư Tử Hống Quán Tự Tại*”. Dưới dạng này, Bồ Tát là một Dược sư, đặc biệt cứu độ những người bệnh phong cùi. Mắt Bồ Tát đang nhìn bệnh nhân và mắt chính giữa (huệ nhãn) đang tập trung chữa bệnh. Hai bảo vật bên vai cũng là những dụng cụ của một dược sĩ, bình sắc thuốc bên trái của Bồ Tát và đao trừ tà (bệnh) bên phải. Sư tử Bồ Tát cười xuất phát từ một sự tích. Tương truyền rằng, có một con sư tử sinh được một con nhưng con chết ngay sau khi sinh. Đau đớn quá nó rống lên thật to và nhờ tiếng rống uy dũng này, nó làm cho con nó sống lại. Vì thế mà có sự liên hệ giữa tên của Sư Tử Hống Quán Tự Tại (“giọng sư tử”) với nghề nghiệp của một dược sĩ “gọi người sống lại”.

Một thuyết khác giải thích tích của 11 đầu và nghìn tay: lúc Quán Thế Âm quán chiếu cảnh khổ của chúng sinh thì đầu Bồ Tát đau xót vỡ ra từng mảnh. Phật A-di-đà xếp các mảnh đó lại thành 11 đầu. Xuất phát từ nguyện lực cứu độ mọi chúng sinh, thân Bồ Tát mọc ra nghìn tay, trong mỗi tay có một mắt. Quán Thế Âm cũng hay được vẽ là kẻ cứu độ chúng sinh trong sáu nẻo Luân hồi (Lục đạo): trong súc sinh, Quán Thế Âm đầu ngựa, hoặc cưỡi sư tử; trong địa ngục, là kẻ có nghìn cánh tay; trong cõi A-tu-la, là kẻ có 11 đầu.

Tại Trung Quốc, Việt Nam và Nhật, Quán Thế Âm có tên là Quan Âm, hay được trình bày dưới dạng “*Phật Bà*”. Tại Tây Tạng, Quán Thế Âm là “người bảo vệ xứ tuyết” và có ảnh hưởng trung tâm trong truyền thống Phật giáo tại đây. Người ta xem Bồ Tát là cha đẻ của dân tộc Tây Tạng và nhờ Ngài mà Phật giáo được truyền bá qua nhà vua Tùng-tán Cương-bố (bo. *songten gampo*, 620-649), được xem là một hiện thân của Quán Thế Âm. Đạt-lai Lạt-ma và Cát-mã-ba (bo. *karmapa*) cũng được xem là hiện thân của Quán Thế Âm. Câu Man-tra được xem là thuộc tính của Quán Thế Âm, là thần chú đầu tiên truyền đến Tây Tạng và ngày nay được tụng đọc nhiều nhất. Tranh tượng của Bồ Tát được biểu diễn bằng một người có 11 đầu và ngàn cánh tay hoặc trong dạng có bốn tay, ngồi toà sen.

4. QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT (AVALOKITESHVARA)

Là vị Bồ tát quan trọng nhất trong Phật giáo Đại Thừa. Tên của ngài có nghĩa là “Bồ tát có cái nhìn từ bi”. Hay “Bồ tát từ trên cao nhìn xuống thế gian”. Quán Thế Âm Bồ Tát được xem là từ Phật A Di Đà mà ra, dù chỗ ở của ngài trên miền tịnh độ, nhưng ngài vẫn ở lại với thế gian để cứu độ chúng sinh, ngài thường được thể hiện với nhiều đầu, nhiều tay.

Theo một câu truyện thần thoại, khi từ trên cao quán chiếu cảnh khổ của thế gian, đầu ngài đau xót vỡ ra từng mảnh. Phật A Di Đà đã nhặt các mảnh xếp lại thành 9 cái đầu. Sau đó vì muốn cứu giúp cho tất cả chúng sinh nên Quán Thế Âm Bồ Tát đã mọc ra 1.000 cánh tay, trong mỗi lòng bàn tay có một con mắt. “Từ các con mắt của ngài nảy sinh mặt trời, mặt trăng. Từ nơi trán của ngài nảy sinh thần Mahesvasra. Từ vai ngài nảy sinh Brahma cùng các thần khác. Từ tim ngài nảy sinh Narayana. Từ bắp đùi nảy sinh Sarasvati. Từ miệng ngài thổi ra gió. Từ bàn chân ngài sinh ra đất và từ bụng ngài sinh ra thần Varuna”.

Quán Thế Âm Bồ Tát giúp đỡ tất cả những ai cầu xin ngài. Ngài đi vào địa ngục đem thức uống mát mẻ đến cho những ai đang bị hành hạ trong luồng hơi thiêu đốt và giảng Phật pháp cho các chúng sinh hóa thân làm con trùng, con bọ. Ngài cũng bảo vệ dân chúng khỏi bị thiên tai và ban phúc cho trẻ con.

Ngoài ra, Bồ Tát còn hoán cải cho các nữ yêu ở Srilanka và đảm đương nhiệm vụ truyền bá Phật giáo cho người Tây Tạng.

Tại Trung Hoa, Quán Thế Âm Bồ Tát trở thành Phật Bà Quan Âm. Ở Nhật Bản ngài có khi là một nam thần, có khi là một nữ thần.

Hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát rất gần gũi với người dân Việt Nam,



Quan Thế Âm bồ tát.
ảnh Đoàn Văn Ty

trong mỗi ngôi chùa từ Bắc vào Nam đều thờ tượng Quán Thế Âm Bồ Tát.

Theo Kinh Bi Hoa thì đức Bồ Tát Quán Thế Âm là Thái Tử Bất Tuần (có sách viết là Bất Huyền) con cả của Chuyển Luân Thánh Vương tên là Vô Tránh Niệm. Thái tử Bất Tuần theo cha xuất gia tu hành, tầm sư học đạo, rồi đứng trước đức Bảo Tạng Như Lai phát ra lời trọng nguyện đại bi thề cứu vớt tất cả chúng sinh khổ nạn ở khắp mười phương, khiến cho được giải thoát yên vui. Vì lẽ đó Đức Bảo Tạng bèn thụ ký cho Thái tử và đặt tên cho ngài là Quán Thế Âm, trụ xứ của ngài ở Bạch Hoa Sơn, một hòn đảo ở phía Nam Ấn Độ.

Như vậy đức Bồ Tát Quán Thế Âm vốn là một người nam ở Ấn Độ và Nhật Bản còn ở Việt Nam lại là nữ. Sự biến đổi về giới này có liên quan đến sự tích và quan niệm về tâm linh của người Việt vốn có nền nông nghiệp. Với đức hạnh vô ngã vị tha của đức Bồ Tát Quán Thế Âm và 32 phép mầu nhiệm huyền vi, ngài có thể ở khắp mọi nơi, mọi lúc tùy theo lòng mong cầu của chúng sinh mà ngài hiện thân diễn hóa cứu độ chúng sinh từ u minh đến giác ngộ. Phép thần thông biến hóa của đức Bồ Tát Quán Thế Âm có lúc là người nam, có lúc là người nữ, hay tiên ông, hay người dân bình thường, thậm chí là con cá ... Các ngư dân từ cửa Càn Nghệ An, đến miền Trung, và tận cùng là biển Cà Mau, rất mực tôn thờ Cá Ông (cá Voi), là hiện thân của đức Bồ Tát Quán Thế Âm Nam Hải giúp cư dân vạn chài đi biển được bình an vô sự. Hình tượng người phụ nữ, người mẹ luôn luôn được đề cao không chỉ trong cuộc sống thường ngày mà ngay cả trong Tôn giáo với cái tên thật dân giã: Phật Bà Quan Âm. Ở Việt Nam hầu như tất cả các ngôi chùa, gia đình phật tử nào cũng có tượng bồ Tát Quan Thế Âm để thờ.

Tượng Phật Bà Quan Thế Âm được an vị trên Tam Bảo ở hàng tượng A Di Đà Tam tôn (ở giữa là A Di Đà, bên trái là Quan Thế Âm, bên phải là Đại Thế Trí), hoặc an vị riêng một hàng với tên gọi: Quan Âm Chuẩn Đề, Quan Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn. Cũng có khi tượng Quan Thế Âm Bồ Tát đặt hai bên tả hữu tam bảo, hoặc ngoài viên tự (tùy theo từng chùa). Do vậy, trong ngôi chùa Việt ở miền Bắc, theo phái Đại Thừa, ngoài thờ chư phật, bồ tát, hộ pháp, kim cương, tượng thánh, tượng hậu, tượng mẫu, tượng các vị anh hùng văn hóa, anh hùng dân tộc. Ở Miền Nam, chủ yếu theo phái Tiểu Thừa nên chỉ thờ hàng tượng Hoa Nghiêm tam thánh (Thích Ca Mâu Ni, hai vị bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền) là chính. Còn các hàng tượng thánh, thần, kim cương ... thì ít, chỉ phổ cập là tượng Quan Thế Âm Bồ Tát trong tư thế cứu độ chúng sinh đứng trên đài sen, một tay cầm cành dương liễu, tay kia đỡ bình hồ lô được đặt trong vườn chùa. Bình chúc nước Cam lồ là thể hiện ai có nỗi khổ đều cầu mong ngài tưới giọt nước từ bi hỷ xả - tam muội cho mát mẻ để vui đi nỗi khổ trong tâm tư. Ý nghĩa Bình Cam Lồ thanh tịnh là nói

tâm trí ngài vắng lặng, trong sáng suốt muôn nơi. Còn cảnh dương liễu thì trong 12 câu nguyện có câu: “nam mô tánh tịnh bình thùy dương liễu Quán Thế Âm Như Lai cam lộ sái tâm nguyện Quan Thế Âm Bồ Tát” – Ý nói cảnh dương liễu vẩy nước cam lồ cứu vớt chúng sinh khỏi khổ. Bình là tượng trưng cho thanh tịnh, nước cam lồ tượng trưng cho lòng từ bi.

Trong nghệ thuật tạo hình tượng tròn thì tượng Phật Bà Quán Thế Âm Bồ Tát và Quan Âm Thị Kính là mẫu hình tiêu biểu rõ tâm Phật và tính chân dung cao, mang nét nhân hậu, bao dung, độ lượng và sự đoan trang hiền thực ở người phụ nữ Việt Nam.

Thơ văn Việt Nam lấy đề tài Phật giáo rất nhiều, điển hình là truyện thơ Bà Chúa Ba, Quan Âm Thị Kính ... cốt truyện, lời thơ hoàn toàn mang màu sắc Phật giáo nhằm xây dựng giáo hóa con người có đức tính cao thượng, theo gương biết tránh dữ, làm lành, như trong gia đình hiếu thảo với cha mẹ, ngoài xã hội nhân từ với mọi người.

5. DIỆU DỤNG KHI BỒ TÁT QUÁN-THẾ-ÂM XUẤT HIỆN

Trí óc con người vốn mang nhiều nghi hoặc, dù đã tin tưởng Phật Pháp là cao siêu mâu nhiệm, chịu thọ nhận, tụng niệm tu hành. Nhưng tiếc thay, nghiệp chướng nghi hoặc đã làm ngăn trở bước đường tiến tu không ít. Người ta cứ nghi: "Bồ-tát sao không hiện ra trước mắt cho thấy, cho nghe; bao nhiêu hiện thân trong kinh Phật, nào Bồ-tát, Phạm-vương, Đế-thích, Thiên, Long, Đồng-nam, Đồng-nữ v.v... Nhưng khi có nạn, mình có niệm chí thành lắm chớ, mà nào có thấy Bồ-tát!?", Sự kiện này, có nhiều người vì lòng tin sâu đậm và do nhận xét tinh tế quyết chắc có sự tế độ của Bồ-tát chỉ vì mình mất phạm, tai tặc nên không thấy Ngài, nếu không có thì không thể nào mình thoát nạn một cách ly kỳ vậy được. Một số khác, lại ngờ rằng không biết có phải Bồ-tát đến độ cho mình hay không ? hay là mình có số hên ? Hay là do phước ông bà để lại?

Vậy, nên hiểu rằng, Bồ-tát thị hiện giao cảm trong chúng ta, trong tất cả mọi người, mọi loài.

Một đám giặc cướp sắp ồ ạt tấn công qua chiếc thuyền nhỏ bé, hay trên thuyền sắp có biến cố thảm xảy ra... Tại sao bọn cướp lại đổi ác ý để trở thành thiện niệm ? Để rồi bọn chúng trở nên hiền từ và rút lui êm đẹp ? Hơn nữa còn tiếp tế giúp đỡ, đó là nhờ trên chiếc thuyền có nhiều người chí thành niệm danh hiệu đức Quán-thế-Âm.

Sự đổi thay tâm ý của kẻ ác, lại không là sự thị hiện nhiệm mầu để cứu độ hay sao ? Không lẽ Ngài hiện ra hung thần để đánh chìm ác tặc, rồi mới cho là linh?

Bà già ở nhà có một mình lấy quần áo ra khâu may, mới vài đường chỉ chẳng may chỉ sút, đôi mắt lem nhem sợi chỉ không làm sao xâu qua lỗ được, bà thở dài buồn thảm : "Mẹ hiền Quán-âm ơi con phải làm sao !?". Bà tủi thân gần muốn rơi lệ lòng hướng về Phật lâm râm cầu nguyện. Đứa bé chơi từ ngoài xa, nó bỗng thấy thích vào nhà bà già cô quả ấy, và đứa bé đã xâu chỉ cho bà. Như vậy Bồ-tát thị hiện trong tâm đứa bé ấy chưa ?

Người lái xe đi trên quãng đường thôn dã, không may xe bị hư! Với độc lực và hơn nữa là bạn chưa một lần biết sửa xe, bạn chỉ còn biết cầu nguyện...Từ bên ngoài quốc lộ có đôi bạn lại nổi lên ý niệm ham thích được đi trên con đường hẻo lánh đó, họ gặp bạn và sẵn sàng ra tay nghĩa hiệp giải nguy cho bạn. Quán-âm thị hiện là chỗ đó. Đó là trưởng giả thân, cũng là đồng nam, đồng nữ vậy.

Bà Âm người làng Sơn Tịnh, mỗi năm một lần bà lên núi Trà Bồng, hang Thạch Động để lễ Phật, cái hang động ngày xưa mà thầy Chơn Dung tu hành đã phát kỳ tích ở đây. Hú hồn, hôm ấy bà lại gặp phải con cọp, chao ôi con cọp vằn vện to lớn quá, cọp từ xa gầm thét và phóng tới, bà chỉ kịp la lên QUÁN ÂM BỒ TÁT rồi bà bất tỉnh ! Thực ra bà "THÉT" chứ không phải niệm, nhưng đó là cái thét cấp bách đầy khẩn thiết và sự chí thành được dồn hết vào cái THÉT đó. Khi tỉnh dậy, ý niệm đầu tiên của bà là tưởng mình đã chết, một lát sau khi tri giác về đủ, bà mới cảm nghe hơi hám và đau rát trên mặt. Thì ra con cọp đã liếm mặt bà rồi bỏ đi.

Tại sao cọp bỏ đi, khi miếng mồi ngon trước miệng nó ? Chính đó là diệu dụng cảm hóa, tế độ của Bồ-tát Quán-thế-Âm trực tiếp ngay trong tâm ý của con cọp.

Bà Âm là người quen (tu) tập chiếu mặt kiếng về ánh thái dương (thường niệm Quán-thế-Âm) trong giờ phút cấp bách bà chiếu đúng ánh sáng QUÁN-THẾ-ÂM.

Ba lễ vía Quán Thế Âm hàng năm

Hàng năm Phật tử khắp nơi trên thế giới thường làm lễ vía Bồ-tát Quán-Thế-Âm thật trang nghiêm vào các ngày: 19/2, 19/6 và 19/9 đều theo âm lịch. Nhưng đa phần chỉ biết suông là lễ vía Quán-thế-Âm thế thôi ! Thực ra trong Thiền môn nhật tụng cổ xưa đã ghi rõ :

- Ngày 19/2 là vía QUÁN THẾ ÂM ĐẢN SANH.
- Ngày 19/6 là vía QUÁN THẾ ÂM THÀNH ĐẠO.
- Ngày 19/9 là vía QUÁN THẾ ÂM XUẤT GIA.

6. QUAN ÂM THỊ KÍNH

Một sự tích được phổ biến tại Việt Nam là Quan Âm Thị Kính, kể rằng ngài đã đầu thai và tu hành 9 kiếp. Trong kiếp thứ 10, ngài được đầu thai làm một con gái trong một gia đình họ Mãng ở nước Cao Ly (ở bán đảo Triều Tiên ngày nay), và được đặt tên là Thị Kính.

Thị Kính được gả cho Thiện Sĩ của gia đình họ Sùng. Khi ở nhà chồng, Thị Kính giữ phận làm dâu, tôn kính phụng dưỡng bố mẹ chồng. Một hôm, khi Thiện Sĩ đang ngủ sau khi đọc sách, Thị Kính thấy ở cằm của chồng mình có mọc sợi râu. Thị Kính đang may vá nên cầm một con dao nhíp trong tay và sẵn tiện cắt đứt sợi râu. Thiện Sĩ giật mình thức giấc, thấy vợ đang cầm dao gần cổ, tưởng rằng Thị Kính đang định giết mình nên la lên.

Sau khi Thị Kính kể lẽ đầu đuôi, cha mẹ chồng vẫn ngờ rằng Thị Kính có âm mưu giết chồng, bắt Thiện Sĩ phải bỏ vợ. Thị Kính phải trở về nhà cha mẹ mình, quyết định xuất gia đi tu. Bà cải trang thành một người nam giới, trốn nhà đến chùa xin đi tu, lấy pháp danh là Kính Tâm.

Tuy là gái giả trai, Kính Tâm có tướng mạo đẹp đẽ, cho nên có nhiều tín nữ ngưỡng mộ. Thị Mầu, con của một trưởng giả giàu có, trêu ghẹo Kính Tâm, nhưng không được đáp lại. Thị Mầu lại có thai với người đầy tớ. Khi bị tra hỏi, Thị Mầu khai rằng Kính Tâm là cha của thai nhi. Kính Tâm tuy kêu oan nhưng



Quan Âm Thị Kính, chùa Niết Bàn Tịnh xá.
ảnh Đoàn Văn Ty

không dám tiết lộ ra bí mật của mình. Sau đó, Kính Tâm phải tu ở ngoài cổng chùa để chùa không bị tiếng tăm.

Thị Mầu sinh ra được một đứa con trai, đem đứa nhỏ đến chùa gửi cho Kính Tâm. Kính Tâm vì tính thương người, nhận đứa trẻ vào nuôi dưỡng. Khi đứa trẻ lên 3 tuổi thì Kính Tâm bị bệnh nặng. Biết mình sắp chết, Kính Tâm dặn dò đứa trẻ đưa thư cho sư cụ của chùa và cho ông bà họ Mãng.

Sau khi đọc rõ sự tình, sư cụ kêu người khám xét thi thể Kính Tâm, mới biết rằng Kính Tâm là gái giả trai. Thị Mầu xấu hổ, đành phải tự tử. Thiện Sĩ ăn năn, bèn đi tu, sau này biến thành một con chim.

Quan Âm Bồ Tát (Thị Kính sau khi chết) cũng cứu độ đứa con nuôi, con ruột của Thị Mầu, đem về Nam Hải, để làm người hầu.

Do đó, người ta họa hình Quan Thế Âm Bồ Tát đội mũ ni xanh, mặc áo tràng trắng, ngự trên tòa sen, bên tay mặt có con chim mỏ ngậm râu chuối bồ đề, bên dưới có đứa trẻ bện khôi giáp chấp tay đứng hầu.

7. QUAN ÂM DIỆU THIỆN

Truyền thuyết Quan Âm Diệu Thiện được truyền miệng trong dân gian Việt Nam qua lối truyền thơ. Bài thơ viết theo thể lục bát nói về một vị công chúa đã xuất gia ở Việt Nam để độ hóa cho vua cha có nhiều tội ác. Sự tích này cũng có một dị bản lưu hành ở Trung Hoa.

Vị công chúa này, nguyên ở nước Hùng Lâm thuộc Ấn Độ, là người con gái thứ ba của một vị vua. Trước khi sinh công chúa Diệu Thiện thì nhà vua rất mong có hoàng tử nên đã cầu xin rất nhiều nhưng đứa con chào đời lại là một công chúa. Điều này đã làm cho nhà vua sinh lòng oán hận.

Khác hẳn hai người chị, nàng công chúa này lớn lên chỉ say mê kinh kệ và có lòng quy y Phật. Vì cự tuyệt việc lấy chồng nên cô bị giam hãm phía sau hoàng cung. Không thuyết phục được con mình hoàn tục, vua giả vờ cho phép con tu ở chùa Bạch Tuyết rồi ngầm ra lệnh cho các sư sãi phải tìm cách thuyết phục cho công chúa hoàn tục. Nếu không sẽ giết hết các sư sãi trong chùa. Nhưng mọi cách đều không lung lạc được ý quyết của công chúa.

Giận con, vua ra lệnh đốt chùa để giết cô công chúa nhưng trời bỗng có mưa dập tắt lửa. Chưa hết giận, vua bèn hạ lệnh xử chém, thì trời bỗng giông tố, tạo ra sét đánh văng búa của đao phủ. Vua tức giận ra lệnh xử giáo công chúa nhưng ngay lúc đó xuất hiện một con cọp trắng xông ra cổng công chúa mang đến chùa Hương. Diệu Thiện tu hành ở đó và cảm hóa được muôn thú.

Trong khi đó, vua trong triều đột nhiên bị chứng bệnh hủi không chữa được, dần dần hai bàn tay bị rơi rụng và mắt trở nên mù. Công chúa tu đã đến kì đắc đạo trở về thăm phụ thân và đã hy sinh hai mắt cùng hai tay để cho cha. Sau đó công chúa nhập Niết Bàn và cứu độ cha mẹ và hai chị cùng thành Phật.

Trong truyện đã đề cao hai đặc tính của bồ tát, đó là nhân và hiếu. Với trí huệ và giới hạnh thì hiếu có thể độ giúp cứu thoát được cha mẹ mình, cùng như nhân có thể độ giúp nhiều người thoát vòng mê lầm trở về với trí huệ

TÀI LIỆU THAM KHẢO
(Sử dụng viết nội dung bài giảng)

TT	Tên tài liệu tham khảo	Tác giả	Nhà xuất bản
01	Cẩm nang hướng dẫn du lịch	Nguyễn Bích San - chủ biên	Văn hóa thông tin - Hà Nội - 2000
02	Nghệp vụ HDDL	Tổng cục Du lịch	Hà nội - 1997
03	Nghệ thuật HDDL	Nguyễn Cường Hiền	NXB văn hóa - 1994
04	V/đề về Tôn Giáo và Chính sách Tôn giáo của Đảng CSVN	Ban tư tưởng - văn hóa TW	Chính trị quốc gia - 2002
05	Lược sử Phật giáo Việt Nam	Thích Minh Tuệ	Giáo Hội phật giáo Việt Nam - 1993
06	Thế thứ các triều vua Việt Nam	Nguyễn Khắc Thuần	Giáo dục - 1996
07	Chín đời chúa mười ba đời vua Nguyễn	Nguyễn Đắc Xuân	Thuận Hóa - Huế 1996
08	Danh tướng Việt Nam tập 1 & 2	Nguyễn Khắc Thuần	Giáo dục - 1997
09	Hỏi và đáp về Văn hóa Việt Nam	Nhiều tác giả	Văn hóa dân tộc - 2000
10	Hướng dẫn du lịch	Trường DL Vũng Tàu	Lưu hành nội bộ
11	Các loại sách, tạp chí, báo, internet khác.		